



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 37/2023
Từ 18/9 - 22/9/2023

TIN NỘI BỘ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI:

GIẢM SỐ NĂM ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG LƯƠNG HƯU; BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ 'TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI'

Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho rằng, để hạn chế rút bảo hiểm xã hội một lần, có nhiều giải pháp, trong đó có việc giảm số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm, hướng tới lộ trình giảm xuống còn 10 năm. Rút hay không là quyền của người lao động, phải đảm bảo quyền của họ.



Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ

Bổ sung quy định “trợ cấp hưu trí xã hội”

Ngày 20/9, cho ý kiến lần thứ 2 về dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) tại Phiên họp thứ 26 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vẫn có ý kiến băn khoăn về quy định trợ cấp hưu trí xã hội và rút bảo hiểm xã hội một lần.

Cụ thể, theo Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội Nguyễn Thúy Anh, có hai loại ý kiến khác nhau về việc bổ sung quy định “trợ cấp hưu trí xã hội”.

Loại ý kiến thứ nhất, tán thành với việc bổ sung nội dung này vào dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, không cần thiết bổ sung mà có thể sửa đổi các quy định tương ứng của Luật Người cao tuổi, các quy định này sẽ là bộ phận của pháp luật về bảo hiểm xã hội tương tự như quy định chế độ bảo hiểm thất nghiệp trong Luật Việc làm, chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Đa số ý kiến trong Thường trực Ủy ban Xã hội nhất trí với loại ý kiến thứ nhất nhằm bảo đảm hướng tới từng bước hoàn thiện hệ thống hưu trí đa tầng, liên kết, linh hoạt và theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 28-NQ/TW.

Tuy nhiên, đề nghị cần đánh giá kỹ lưỡng tác động của việc quy định trợ cấp hưu trí xã hội đối với ngân sách Nhà nước, xung đột chính sách khi đưa các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh và áp dụng của Luật Người cao tuổi sang dự án Luật này, nhất là các tác động liên quan đến chính sách khuyến khích người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Bên cạnh đó, có ý kiến thành viên Ủy ban Xã hội cho rằng, hiện nay, trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi còn rất thấp và có khoảng cách khá xa so với mức chuẩn nghèo về thu nhập (kể cả ở nông thôn và thành thị).

Chính vì vậy, khi chuyển nhóm đối tượng rất đặc thù này với mức hưởng rất thấp sang phạm vi của dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) liệu có hợp lý? Hơn nữa, đây là một loại trợ cấp xã hội cho người cao tuổi không có thu nhập, không xuất phát từ nguyên tắc đóng - hưởng như đối tượng hưu trí.

Do đó, Ban soạn thảo cần nêu cơ sở lý luận và thực tiễn đầy đủ để quy định cụ thể ngay trong dự thảo Luật tuổi hưởng trợ cấp là 75 tuổi.

Tán thành giảm số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng lương hưu

Về số năm đóng bảo hiểm tối thiểu để được hưởng lương hưu, trong Thường trực Ủy ban Xã hội có hai loại ý kiến. Loại ý kiến thứ nhất, tán thành với đề xuất của Chính phủ việc giảm số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm.

Loại ý kiến thứ hai, đề nghị giữ quy định 20 năm như hiện hành để đảm bảo tiền lương hưu được nhận không quá thấp và cũng tạo sự hấp dẫn cho chế độ hưu trí về mức hưởng, bảo đảm một mức an sinh xã hội nhất định.

Nhóm ý kiến này cho rằng, việc quy định giảm xuống còn 15 năm để tạo điều kiện để người tham gia nhiều lần “rút bảo hiểm một lần”, nhất là trong bối cảnh số lượng người hưởng bảo hiểm xã hội một lần có xu hướng gia tăng hiện nay.

Thường trực Ủy ban Xã hội tán thành với loại ý kiến thứ nhất; cho rằng, quy định giảm số năm đóng bảo hiểm để hưởng chế độ hưu trí sẽ hấp dẫn người lao động hơn, tỷ lệ bao phủ đối tượng thụ hưởng bảo hiểm xã hội sẽ tăng trong trung và dài hạn, tạo điều kiện cho người lao động nhiều tuổi có số năm tham gia bảo hiểm xã hội thấp được tiếp cận và thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội, cải thiện tính công bằng.

Việc điều chỉnh giảm số năm tối thiểu đóng bảo hiểm xã hội để đủ điều kiện hưởng lương hưu lần này là thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết số 28-NQ/TW.

Việc điều chỉnh giảm thời gian tham gia bảo hiểm xã hội để được hưởng chế độ hưu trí với mức tối thiểu là cần thiết để khuyến khích người lao động người có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội không liên tục bảo lưu thời gian, chờ nhận lương hưu khi đến tuổi quy định, tạo cơ hội giữ người lao động ở lại trong hệ thống bảo hiểm xã hội.

Hướng tới lộ trình giảm xuống còn 10 năm đóng bảo hiểm xã hội được hưởng lương hưu

Cho rằng Chính phủ đã rất khẩn trương tiếp thu chỉnh lý dự án Luật, cơ bản nghiêm túc thực hiện những ý kiến của Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đề nghị Chính phủ hoàn thiện hồ sơ để Quốc hội họp, nhất là báo cáo đánh giá tác động, nêu rõ hơn về nguồn lực thực hiện các chính sách.

Đề cập đến nội dung cụ thể về trợ cấp hưu trí xã hội để hình thành hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng theo Nghị quyết số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, Chủ tịch Quốc hội cho biết, sẽ phải điều chỉnh lại Luật Người cao tuổi.

Sau này, Luật Người cao tuổi sẽ điều chỉnh nhiều vấn đề khác về người cao tuổi, còn nội dung trợ cấp với người cao tuổi sẽ trở thành một cấu phần trong hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng và quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi. Do đó, phải nghiên cứu kỹ các điều khoản cần sửa đổi để tương thích giữa hai luật.

Chủ tịch Quốc hội lưu ý, trợ cấp hưu trí xã hội là từ nguồn thuế chứ không phải theo nguyên tắc đóng - hưởng, không thể quay lại tư duy trợ cấp đóng - hưởng... Vấn đề này liên quan đến quá trình thực hiện nghị quyết của Trung ương, pháp luật phải có điều chỉnh. Về chính sách không có gì phải bàn.

Trước mắt, tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội là 75 tuổi, tương lai sẽ phải hạ dần xuống bằng với tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động và mức tiền hưởng sẽ tăng dần lên, phù hợp với khả năng của ngân sách.

Nhấn mạnh quy định về hưởng bảo hiểm xã hội một lần là vấn đề lớn nhất trong sửa đổi Luật lần này, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho rằng, để hạn chế rút bảo hiểm xã hội một lần, có nhiều giải pháp, trong đó có việc giảm số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm, hướng tới lộ trình giảm xuống còn 10 năm. Rút hay không là quyền của người lao động, phải đảm bảo quyền của họ. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Xã hội, Chính phủ tiếp thu, giải trình.

Phó Chủ tịch thường trực Quốc hội Trần Thanh Mẫn cho rằng: Đây là luật khó, còn thảo luận nhiều lần, do đó, Chính phủ tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện dự án Luật, các văn bản liên quan. Ủy ban Xã hội hoàn thiện báo cáo thẩm tra để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6.

Tại phiên làm việc, Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung đã giải trình một số nội dung về chính sách bảo hiểm xã hội một lần, tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội, chế độ trợ cấp gia đình...

Nguồn: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: ĐIỀU HÒA LINH HOẠT NGUỒN VỐN DÀNH CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Chiều ngày 21/9, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã chủ trì cuộc họp của Tổ công tác số 2 của Chính phủ làm việc với 29 bộ, ngành, địa phương về tình hình giải ngân vốn đầu tư công.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ, với cơ chế làm việc Chính phủ - Bộ, ngành - địa phương, nhiều tổ công tác do Thủ tướng Chính phủ thành lập đã xuống các địa phương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác giải ngân vốn đầu tư công.

Tại cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương kiểm điểm lại tình hình triển khai các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là kết quả giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thời gian qua để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đã được phân bổ trong năm 2023. Bên cạnh đó là những kiến nghị, đề xuất tháo gỡ những vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ hoặc cần sự phối hợp liên ngành, cơ chế giải ngân các nguồn vốn ODA...

"Từ nay đến cuối năm còn rất ít thời gian, do vậy, các đồng chí cần chỉ rõ khó khăn thuộc cấp nào và đề xuất giải quyết như thế nào, bằng các giải pháp và biện pháp nào?", Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Tiến độ giải ngân cao hơn mức trung bình cả nước

Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Đỗ Thành Trung cho biết, Tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao cho 29 Bộ, ngành, địa phương thực hiện tổng số 2 là 241.088,964 tỷ đồng. Số vốn đã phân bổ chi tiết là 234.394,655 tỷ đồng, đạt 97,22%.

Theo số liệu giải ngân của Bộ Tài chính, tổng số vốn đã giải ngân của 29 cơ quan là 104.915,882 tỷ đồng đạt 43,52% (cao hơn mức bình quân cả nước là 39,41%).

Trong đó 10 cơ quan giải ngân trên mức bình quân của cả nước; 13 cơ quan giải ngân thấp (10-39,41%); 6 cơ quan giải ngân rất thấp (dưới 10%).

Một số Bộ, ngành địa phương kiến nghị điều chỉnh giảm vốn phân bổ như Bộ Giáo dục và Đào tạo (271,028 tỷ đồng); Bộ Khoa học và Công nghệ (53,712 tỷ đồng); Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (1.293,263 tỷ đồng); Bộ Tài nguyên và Môi trường (312,498 tỷ đồng); Bộ Thông tin và Truyền thông (402,968 tỷ đồng); Ban Quản lý các làng văn hóa du lịch Việt Nam (83,305 tỷ đồng); tỉnh Quảng Bình (81,25 tỷ đồng); tỉnh Phú Yên (241,498 tỷ đồng vốn nước ngoài và 164,169 tỷ đồng vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương); tỉnh Khánh Hòa 304,832 tỷ đồng vốn nước ngoài...

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu một số Bộ, ngành, địa phương giải ngân chậm, kiến nghị điều chỉnh giảm vốn phân bổ với số lượng lớn phải giải trình rõ nguyên nhân, đề xuất hướng giải quyết.

Sẽ đánh giá mức độ sẵn sàng của dự án đầu tư công

Vướng mắc được các bộ, ngành, địa phương báo cáo liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư tại một số địa phương còn chậm, phát sinh nhiều vấn đề vượt thẩm quyền. Việc triển khai các dự án trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình phục hồi) chậm giao kế hoạch vốn, thời gian giải ngân kế hoạch vốn ngắn.

Do đặc thù chi ngân sách nhà nước giao kế hoạch vào thời điểm đầu năm, dự án phải có khối lượng mới có thể giải ngân nên tiến độ giải ngân chung ở những tháng đầu năm tương đối thấp và sẽ đẩy mạnh vào các tháng cuối năm.

Một số nguyên nhân khác mang tính chất đặc thù, chuyên ngành (dự án quan trọng quốc gia, di tích lịch sử, văn hóa,...). Các bộ, cơ quan chuyên ngành của địa phương cần chủ động xem xét, giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, các địa phương chưa chủ động trong việc dự phòng quỹ đất cho công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, dẫn tới việc triển khai các dự án (khi được phê duyệt) còn chậm.

Công tác chuẩn bị dự án còn chậm, chất lượng chưa cao. Vẫn còn tình trạng dự án được dự kiến bố trí vốn nhưng đến nay chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư nên chưa thể phân bổ hết kế hoạch vốn được giao và có khối lượng để giải ngân.

Năng lực, trình độ của một số cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu trong: Quản lý dự án, hiểu biết pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, ngân sách nhà nước còn hạn chế,... dẫn đến việc cần nhiều thời gian để nghiên cứu, xử lý và phải lấy ý kiến của nhiều cơ quan, đơn vị khác.

Lãnh đạo các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư đã trao đổi, làm rõ một số vấn đề lớn đang làm chậm trễ tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là đối với các dự án lớn hoặc sử dụng nguồn vốn ODA như giải phóng mặt bằng, tái định cư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, đánh giá tác động môi trường, nguồn vật liệu cho các dự án trọng điểm, phương án điều hoà nguồn vốn đầu tư trung hạn và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội,...

"Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ ban hành bộ tiêu chí để hướng dẫn Bộ, ngành, địa phương đánh giá mức độ sẵn sàng của các dự án đầu tư công trung hạn để xác định nhu cầu và khả năng giải ngân của dự án, từ đó khắc phục tình trạng đăng ký vốn nhiều nhưng không thực hiện được", Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Đỗ Thành Trung chia sẻ.

Phát huy tinh thần trách nhiệm, có giải pháp linh hoạt, sáng tạo

Kết luận cuộc làm việc, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục rà soát, cập nhật đầy đủ số liệu về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là dự kiến tình hình những tháng cuối năm trên cơ sở cam kết của lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương với quyết tâm chính trị và nhiều giải pháp linh hoạt, sáng tạo. Như vậy mới có "bức tranh" tổng thể, khoa học, chính xác về tình hình giải ngân vốn đầu tư công.

Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị các cơ quan phân loại những dự án có thể tăng tốc với các giải pháp quyết liệt từ nay đến cuối năm, còn những dự án chuẩn bị chưa đầy đủ, chưa sát yêu cầu thực tiễn, thiếu khả thi thì làm rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị đề xuất, đăng ký vốn.

"Riêng những dự án chưa giải ngân do nguyên nhân khách quan, chưa bảo đảm tính hiệu quả nhưng vẫn cần thiết thì xem xét phương án sử dụng một phần vốn đã phân bổ để chuẩn bị dự án mới thật tốt để triển khai trong năm tiếp theo", Phó Thủ tướng Chính phủ lưu ý.

Về hướng tháo gỡ khó khăn đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành khẩn trương làm việc với đối tác quốc tế để thống nhất cơ chế đền bù, đơn giản hoá thủ tục điều chỉnh dự án, đề xuất kéo dài dự án gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan...

Phân tích thêm về nguyên nhân chậm tiến độ của các dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình phục hồi, Phó Thủ tướng Chính phủ cho rằng phải làm rõ cả nguyên nhân do chuẩn bị

dự án chưa tốt, lần nguyên nhân thiếu thời gian để thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục đầu tư, từ đó đề xuất phương án duy trì nguồn vốn này cho các dự án đang triển khai.

Đối với khó khăn nguồn nguyên vật liệu xây dựng, Phó Thủ tướng Chính phủ nêu rõ: Trừ những dự án cấp bách, trọng điểm" được áp dụng cơ chế riêng về khai thác, sử dụng mỏ vật liệu, các dự án khác phải chuẩn bị đầy đủ thủ tục về đánh giá tác động môi trường (nguy cơ sạt lở, ngập lụt), bảo đảm chất lượng tư vấn, khảo sát nguồn vật liệu phục vụ dự án, "không được tạo ra trường hợp cá biệt".

Phó Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục rà soát, xem xét gia hạn thời gian thực hiện, điều hoà các nguồn vốn đầu tư công trung hạn hoặc Chương trình phục hồi dành cho các dự án có tiến độ thực hiện tốt.

"Các Bộ, ngành, địa phương phải phát huy tinh thần trách nhiệm với đất nước, Nhân dân trong giải ngân vốn đầu tư công. Cùng cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính nhưng có nơi làm tốt, có nơi gặp khó khăn thì các đồng chí chủ động trao đổi, áp dụng những bài học, kinh nghiệm hiệu quả trong tháo gỡ vướng mắc của bộ, ngành, địa phương mình", Phó Thủ tướng Chính phủ nói và nhấn mạnh "số vốn đầu tư công được phân bổ còn rất thấp so với nhu cầu thực tế như trong ngành y tế, giáo dục... Vì vậy, người đứng đầu phải nhìn thấy hết, tổng hợp đầy đủ nhu cầu của Bộ, ngành, địa phương mình. Việc điều phối vốn đầu tư công phải được coi là mục tiêu, nhiệm vụ chính trị để giải quyết những nhu cầu cấp thiết trong đời sống kinh tế, xã hội hiện nay".

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG XÃ HỘI LƯU TRỮ, QUỐC GIA LƯU TRỮ

Ngày 18/9, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến lần đầu về dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi).

Theo Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, sau hơn 10 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Lưu trữ 2011 đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Do vậy, việc sửa đổi là cần thiết nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lưu trữ, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết, dự thảo luật tập trung vào 4 chính sách đã được Chính phủ thông qua, gồm: Quy định về thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ; Quy định về lưu trữ tài liệu điện tử; Quy định về hoạt động lưu trữ tư; Quy định về hoạt động dịch vụ lưu trữ.

Dự thảo cũng quy định rõ giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ số, giá trị của bản số hóa tài liệu lưu trữ; quy định những yêu cầu của hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số, kho lưu trữ số; thực hiện nghiệp vụ về thu thập, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ số...

Thẩm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật Hoàng Thanh Tùng đề nghị chỉ điều chỉnh đối với tài liệu lưu trữ tư nhân có giá trị đặc biệt; nghiên cứu bổ sung quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục để đưa tài liệu lưu trữ tư nhân có giá trị đặc biệt vào phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam.

Cơ quan thẩm tra cũng lưu ý, cần phân biệt rõ hơn giữa “lưu trữ cơ quan” với “lưu trữ lịch sử”, quy định trách nhiệm lập và nộp lưu hồ sơ, tài liệu của người được giao giải quyết.

Phát biểu tại phiên họp, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ nhấn mạnh, quy định tài liệu lưu trữ tư nhân chỉ điều chỉnh đối với tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt sẽ thu hẹp đối tượng áp dụng so với yêu cầu định hướng xây dựng xã hội lưu trữ, quốc gia lưu trữ có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân.

Chủ tịch Quốc hội cũng đề nghị tiếp tục rà soát các quy định về lưu trữ trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động lưu trữ, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, công dân số, xã hội số... bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các dự án luật có liên quan và cam kết, thỏa thuận quốc tế.

Trong khi đó, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội Lê Thị Nga cho rằng, cần phân định thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của Đảng trực tiếp quản lý và lưu trữ tài liệu lưu trữ của Đảng; Bộ Nội vụ trực tiếp quản lý, lưu trữ tài liệu bảo quản tại Lưu trữ lịch sử Nhà nước ở Trung ương...; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao trực tiếp quản lý tài liệu lưu trữ của ngành mình.

Tiếp thu ý kiến đại biểu, Bộ trưởng Nội vụ cho biết, sẽ xây dựng sửa đổi dự án luật theo hướng đảm bảo việc xây dựng xã hội lưu trữ, quốc gia lưu trữ. "Muốn xây dựng một quốc gia lưu trữ, xã hội lưu trữ, hơn lúc nào hết chúng ta phải thúc đẩy về vấn đề quản lý và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ", bà Trà cho hay.

Nguồn: tienphong.vn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thời gian qua Kho bạc Nhà nước đã thực hiện nhiều giải pháp để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính với quan điểm lấy người dân, doanh nghiệp vừa là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và động lực.

Nội dung, hình thức thực hiện, đẩy mạnh cải cách hành chính trên nhiều lĩnh vực, trong đó đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính.

Kho bạc Nhà nước đã đẩy mạnh cải cách hành chính đồng bộ trên cả 6 lĩnh vực cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Trong số đó, tập trung cải cách thủ tục hành chính theo quan điểm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực của cải cách hành chính.

Đại diện Kho bạc Nhà nước cho biết, thủ tục hành chính được cải cách theo hướng vừa lấy khách hàng là trung tâm, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức là thước đo quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ vừa đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Kho bạc Nhà nước.

Đối với thủ tục kiểm soát chi ngân sách nhà nước, quy trình, thủ tục được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian kiểm soát (từ 7 ngày xuống còn 3 ngày làm việc đối với các khoản chi đầu tư; 1 ngày làm việc đối với các khoản chi "thanh toán trước, kiểm soát sau") và phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trong chu trình chi ngân sách nhà nước.

Kho bạc Nhà nước cũng đã thực hiện kiểm soát chi theo rủi ro; kiểm soát chi theo cơ chế khoán chi; cơ chế kiểm soát cam kết chi từng bước được hoàn thiện, tiệm cận với thông lệ quốc tế, góp phần ngăn chặn tình trạng nợ đọng trong thanh toán.

“Điểm sáng” trong cải cách hành chính của Kho bạc Nhà nước phải kể đến là việc hệ thống Kho bạc Nhà nước triển khai tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến từ năm 2018. Qua 5 năm triển khai, sau nhiều lần cải cách, cập nhật, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước đã góp phần rút ngắn thời gian giải ngân, tạo thuận lợi cho đơn vị sử dụng ngân sách trong quá trình nộp hồ sơ thanh toán, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 như thời gian vừa qua, công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và từng bước hướng tới kiểm soát chi điện tử.

Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình, đến tháng 4/2023 đã có 1.236 đơn vị sử dụng ngân sách tham gia dịch vụ công trực tuyến, đạt tỷ lệ 99,5% (trừ khối an ninh - quốc phòng) số lượng giao dịch qua dịch vụ công trực tuyến, trung bình khoảng 20.000 hồ sơ chứng từ/tháng. Từ khi tham gia dịch vụ công trực tuyến, các đơn vị sử dụng ngân sách không phải gửi hồ sơ, chứng từ bản giấy.

Bên cạnh đó, thực hiện dự án hiện đại hóa thu ngân sách, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh phối hợp thu ngân sách nhà nước qua ngân hàng, trao đổi thông tin thu ngân sách giữa Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế với ngân hàng thương mại. Đến nay, đơn vị đã kết nối với 9 hệ thống ngân hàng thương mại, qua đó, các ngân hàng đã thực hiện thu trên 90% các khoản thu ngân sách nhà nước.

Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình cũng đã triển khai chuyển đổi số trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, bước đầu cung cấp cổng trao đổi dữ liệu qua internet với các nhà cung cấp dịch vụ điện, nước và viễn thông để tự động thanh toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách.

Đồng thời, nhờ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, những hệ thống thanh toán Kho bạc Nhà nước trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại được Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình triển khai hiệu quả. Cụ thể, đơn vị đã hoàn thành triển khai liên thông chương trình dịch vụ công trực tuyến, TABMIS (hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc) và thanh toán điện tử liên ngân hàng, điện tử song phương, đáp ứng yêu cầu thanh toán nhanh chóng, chính xác và an toàn, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí thanh toán...

Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần quan trọng vào quản lý nội bộ Kho bạc Nhà nước như tài chính nội bộ, văn phòng, tổ chức cán bộ, giám sát tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính....

Ngoài ra, trong cải cách hành chính nhằm thay đổi nhận thức với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm phục vụ, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã thực hiện cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, tổ chức; lấy người dân, tổ chức làm trung tâm; lấy sự

hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện.

Cùng với đó, các Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện phải thường xuyên rà soát, đánh giá, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện, cắt giảm các thành phần hồ sơ và các mẫu đơn, tờ khai không cần thiết hoặc đã tích hợp trên cơ sở dữ liệu sẵn có.

Đối với hoạt động kiểm soát chi ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã tăng cường cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa hồ sơ kiểm soát chi, rút ngắn thời gian kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán. Nhờ đó, đơn vị đã rút ngắn thời gian thanh toán từ 3 ngày xuống còn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

Chị Lê Thị Huệ, kế toán tại một cơ quan nhà nước tại tỉnh Quảng Bình cho biết, nếu trước đây, khi chuyển chứng từ từ trường đến kho bạc huyện, phải mất nửa ngày, nhiều lần chứng từ cần chỉnh sửa thì phải về cơ quan làm lại, rồi mang trở lại kho bạc. Nhưng từ khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, chỉ cần làm việc tại cơ quan, chứng từ còn thiếu sót, hệ thống sẽ báo, có thể chỉnh sửa, bổ sung kịp thời. Nhờ áp dụng dịch vụ công trực tuyến mà đỡ rất nhiều thời gian đi lại.

Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa cũng đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến và thực hiện tốt liên thông các ứng dụng nghiệp vụ bằng các giải pháp triển khai thực hiện chuẩn kết nối và tích hợp phần mềm ứng dụng của các cơ quan, tổ chức vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến Kho bạc Nhà nước.

Đây là cơ sở để các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách có thể kết nối, tích hợp dữ liệu trực tiếp từ phần mềm ứng dụng của đơn vị vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến, giúp giảm thiểu việc nhập, xử lý dữ liệu trùng lặp nhiều lần.

Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa cũng đã tổ chức hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu, chi ngân sách nhà nước các loại vốn, quỹ, tài sản của Nhà nước.

Hiện nay, hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa đã cung cấp 11/11 thủ tục hành chính (theo Nghị định 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ) thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đến 3.537 đơn vị sử dụng ngân sách (trừ các đơn vị khối an ninh, quốc phòng), đạt 100% các đơn vị bắt buộc tham gia. Thông qua dịch vụ công trực tuyến, giao dịch viên kho bạc xử lý công việc nhanh chóng và hiệu quả; quy trình thực hiện công việc được kiểm tra chặt chẽ; bảo đảm hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định và đúng hạn, công khai và minh bạch, tạo thuận lợi cho khách hàng.

Để tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, Kho bạc Nhà nước cho biết sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách quy định thủ tục hành chính và các quy trình nghiệp vụ theo hướng giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa quy trình, thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu số các giao dịch thủ tục hành chính giữa các bộ, ban, ngành và liên thông hệ thống giữa Kho bạc Nhà nước với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Cùng với đó là tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào quy trình nội bộ xử lý hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó triển khai việc ký số, gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử tại từng đơn vị, bộ phận.

Nguồn: bnews/ttxvn

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HƯỚNG TỚI NỀN HÀNH CHÍNH SỐ

Nền hành chính số, hành chính không giấy tờ đã và đang được hình thành thúc đẩy mọi hoạt động được tiến hành nhanh, tiện lợi, hiệu quả và minh bạch hơn.

Việc chú trọng hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước đã được các cấp, ngành của tỉnh Thái Nguyên đẩy mạnh thực hiện để hướng tới nền hành chính số, hành chính không giấy tờ. Từ đó giảm chi phí hoạt động, tiết kiệm thời gian, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Không chỉ đơn thuần không giấy, mỗi tài liệu được cung cấp trực tuyến cho đại biểu đều đi kèm với khả năng tương tác cho người dùng. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Võ Nhai hoàn toàn có thể ghi chú, đánh dấu văn bản cần lưu ý và đặc biệt có thể chọn cách góp ý với từng văn bản, tài liệu thông qua thiết bị thông minh thay vì phát biểu góp ý theo cách thông thường tại hội trường.

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Võ Nhai Lê Đình Tấn, cho biết: Triển khai phòng họp không giấy tờ cuối tháng 3/2022, đến nay, huyện Võ Nhai đã tổ chức hàng trăm cuộc họp theo hình thức này. Các đại biểu có thể nhanh chóng truy cập tài liệu chính, tài liệu tham khảo, tài liệu liên kết bên ngoài, kết hợp với các công cụ tiện lợi như ghi chú, đánh dấu, góp ý...

Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên Đào Ngọc Tuất cho biết: Trước kia, trong nền hành chính giấy tờ, mọi công việc liên quan đến cơ quan, doanh nghiệp hay người dân đều được giải quyết bằng văn bản giấy. Văn bản giấy tạo ra các quy trình thủ công, từ trình ký đến chuyển văn bản, mất nhiều thời gian và khó khăn cho việc lưu trữ, tra cứu. Hiện tại, ở tỉnh Thái Nguyên, văn bản giấy đang dần bị thay thế, toàn tỉnh đã đổi mới quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính chuyển từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử. Số lượng văn bản được tạo lập, trao đổi và xử lý trên hệ thống phần mềm đã giảm công sức lao động, tiết kiệm nhiều tỷ đồng chi phí hành chính của các cơ quan mỗi năm, đồng thời góp phần nâng cao mức độ an toàn và tính bảo mật, thay đổi tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, công chức.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng chữ ký số được sử dụng tại 100% cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp của tỉnh Thái Nguyên. Với trên 8 nghìn chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cấp cho công chức, viên chức, các địa phương đã bảo đảm trang bị 100% chữ ký số cho cán bộ một cửa và cán bộ tham gia giải quyết thủ tục hành chính...

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, loại bỏ dần xử lý công việc bằng văn bản giấy đã được các cấp, ngành trong tỉnh Thanh Hóa đẩy mạnh thực hiện.

Trong nền hành chính giấy tờ, mọi công việc liên quan đến cơ quan, doanh nghiệp hay người dân đều được giải quyết bằng văn bản giấy.

Văn bản giấy tạo ra các quy trình thủ công, từ trình ký đến chuyển văn bản, mất nhiều thời gian và gây không ít khó khăn cho việc lưu trữ, tra cứu hồ sơ, tài liệu, thậm chí có thể bị thất lạc không thể tìm lại được.

Không những thế, việc tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ, công chức với người dân, doanh nghiệp khi cần giải quyết công việc liên quan đến giấy tờ rất dễ phát sinh tiêu cực.

Ngày nay, khi công nghệ thông tin ngày càng hiện đại thì văn bản giấy đang dần bị thay thế. Ngày 18/5/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-UBND về việc tập trung chỉ đạo đổi mới quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính chuyển từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Ứng dụng công nghệ thông tin luôn được coi là nền tảng quan trọng, giải pháp mang tính đột phá để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, góp phần thực hiện chuyển đổi số trong cải cách hành chính. Thời gian qua, các cấp, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Nam luôn chú trọng đầu tư trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm đồng bộ, hiện đại và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công chức tại bộ phận “một cửa” nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, xây dựng nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Tỉnh Hà Nam đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nâng cao hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 25/4/2022 về chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

Đặc biệt, tỉnh Hà Nam cũng xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008, 9001:2015 được triển khai tại 100% cơ quan, đơn vị, địa phương. Nhờ đó, đã đáp ứng yêu cầu công tác cải cách thủ tục hành chính trong cơ quan hành chính nhà nước, đẩy mạnh tỷ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; giúp cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị, địa phương làm việc khoa học hơn, giải quyết công việc đạt kết quả cao, hạn chế tối đa tình trạng gây phiền hà, nhùng nhằng cho người dân.

Hiện tại, 976 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đã được tích hợp, kiểm thử lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên mức độ 4 lên Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo đúng lộ trình, mục tiêu của Chính phủ.

Nguồn: vietnamnet.vn

DỮ LIỆU LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ TÀI CHÍNH SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các chuyên gia tham dự sự kiện Vietnam Digital Finance 2023 nhận định, dữ liệu số đóng vai trò quan trọng trong cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả quản lý ngành tài chính.

Tài chính số đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ

Phát biểu tại Hội thảo về tài chính số trong quản lý Ngân sách Nhà nước (Vietnam Digital Finance 2023), Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Đức Hiền nhận định, trên thế giới và ở Việt Nam, tài chính số đang trong giai đoạn phát triển bùng nổ với nhiều loại hình dịch vụ đa dạng.

Đặc biệt là quá trình chuyển đổi số của ngành tài chính trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả nổi bật. Bộ Tài chính nhiều năm liên tiếp dẫn đầu trong bảng xếp hạng về Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index). Về xếp hạng theo chỉ số đánh giá chuyển đổi số DTI, Bộ Tài chính đứng top 2 trong số các Bộ, ngành cung cấp dịch vụ công năm 2022.

Các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc luôn tiên phong trong thực hiện chuyển đổi số với các kết quả ấn tượng. Hệ thống khai thuế điện tử được triển khai tại 63/63 tỉnh thành phố với 100% chi cục thuế trực thuộc. Kết quả ghi nhận 99% doanh nghiệp sử dụng khai, nộp và hoàn thuế điện tử. Lĩnh vực hải quan ghi nhận 250 thủ tục hành chính được thực hiện qua cơ chế một cửa quốc gia...

Đồng quan điểm, Cục trưởng Cục Tin học và thống kê tài chính, Bộ Tài chính Nguyễn Việt Hà cho rằng, dữ liệu là yếu tố quan trọng để phát triển tài chính số. Việc nâng cấp, hiện đại hóa các hạ tầng thông tin dùng chung, tăng cường kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các đơn vị trong ngành tài chính, giữa Bộ Tài chính với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài ngành tài chính mang lại hiệu quả cho toàn xã hội, góp phần rút ngắn thời gian làm thủ tục thuế, hải quan, kho bạc...cũng như chi phí và thời gian của doanh nghiệp, người dân.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đã đạt được, một số dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của ngành tài chính vẫn còn rời rạc, phân tán, trùng lặp, chưa có sự liên kết và thống nhất.

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin cho việc lưu trữ, phân tích, quản trị dữ liệu lớn (Big Data) chưa được đầu tư tương xứng. Chẳng hạn như cán bộ, công chức, viên chức của ngành vẫn phải xử lý nghiệp vụ trên nhiều phần mềm. Công tác phân tích dự báo còn chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của các đơn vị và của Bộ Tài chính.

Cùng với đó, một số đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính chưa thực hiện mở dữ liệu theo quy định của pháp luật do lo ngại về tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu, về quyền và trách nhiệm của cơ quan chia sẻ dữ liệu và về các biện pháp đảm bảo an toàn, thông tin mạng.

Ngoài ra, một số loại hồ sơ, giấy tờ đã được người dân, doanh nghiệp khai báo nhưng chưa được kế thừa và tận dụng để thực hiện các thủ tục hành chính khác.

Chia sẻ thêm về vấn đề này, Giám đốc chuyển đổi số của MISA Trịnh Văn Biễn cho biết, ngành tài chính là một trong những ngành có lượng dữ liệu khổng lồ nhất. Dữ liệu này bao gồm thông tin về giao dịch, khách hàng, tài sản, và nhiều khía cạnh khác của thị trường tài chính. Tuy nhiên, trên thực tế cơ sở dữ liệu ngành tài chính vẫn còn tình trạng rời rạc, phân tán ở nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương, không tập trung liên thông.

Bên cạnh đó, số liệu điều hành chưa được linh hoạt, tức thời theo nhu cầu điều hành quản lý. Tổng hợp, gửi nhận số liệu, báo cáo còn chưa tự động hóa, khiến tốn nhiều thời gian và công sức, dẫn đến sự chậm trễ trong cập nhật thông tin, ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định và quản lý tài chính.

Cơ sở dữ liệu cần quản lý đúng cách

Để tối ưu hóa dữ liệu số trong chuyển đổi số của ngành tài chính, Phó Cục trưởng Cục Tin học và thống kê tài chính, Bộ Tài chính Nguyễn Minh Ngọc đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Về giải pháp nâng cao năng lực quản trị dữ liệu, một là thành lập tổ, đơn vị chuyên trách về quản trị dữ liệu ngành tài chính chịu trách nhiệm quản lý triển khai và vận hành cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính; xây dựng, quản lý các quy trình, tiêu chuẩn về quản trị dữ liệu để cho phép các yêu cầu liên ngành, báo cáo và phân tích dễ hiểu hơn, được khởi tạo và chia sẻ nhằm nâng cao năng lực quản trị dữ liệu.

Hai là phát triển các quy tắc chất lượng dữ liệu tài chính, ngưỡng, định nghĩa dữ liệu để phân loại đảm bảo chất lượng dữ liệu. Cùng với đó thiết lập nguồn chính xác và đáng tin cậy duy nhất cho dữ liệu cơ sở dựa trên các mã dữ liệu chung hiện có, cho phép báo cáo kịp thời và chính xác, nâng cao hiệu quả hoạt động của chức năng tài chính.

Ba là, triển khai một Data hub là cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính cho tất cả dữ liệu phân tích của Bộ Tài chính, đồng thời trang bị các công cụ phân tích dữ liệu để phục vụ lưu trữ tập trung các thông tin và dữ liệu đặc biệt quan trọng của quốc gia.

Về giải pháp quản lý và phân tích dữ liệu, cần thiết kế, xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp về tài chính với khả năng tích hợp đầy đủ về chất lượng dữ liệu, dữ liệu đặc tả và đối chiếu nhằm cung cấp khả năng mở rộng cho các yêu cầu tích hợp dữ liệu trong tương lai, bao gồm cả dữ liệu có cấu trúc, bán cấu trúc và phi cấu trúc.

Song song với đó là ứng dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, học máy (machine learning)...để quản lý và khai thác dữ liệu lớn (Big Data), cũng như thực hiện các phân tích chuyên sâu nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp như quản lý rủi ro đối với nguồn thu thuế, hải quan, chống gian lận và thất thu ngân sách...

Về giải pháp phân phối và bảo mật dữ liệu, Phó Cục trưởng Nguyễn Minh Ngọc cho biết, cần triển khai các biện pháp bảo mật đăng nhập một lần cho người dùng nội bộ tại các đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính và ủy quyền, xác thực người dùng cho người dùng bên ngoài.

Ngoài ra, cần thiết kế và xây dựng cần thiết kế và xây dựng một cổng thông tin điện toán đám mây với khả năng tích hợp đầy đủ để người dùng từ bên ngoài các bộ, ban, ngành khác có thể truy cập, đồng thời thực hiện chia sẻ thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

Các chuyên gia tham dự sự kiện cũng kiến nghị rằng, cần có một khung pháp lý phù hợp, các chính sách về dữ liệu và quản lý dữ liệu được thiết kế tốt. Hạ tầng công nghệ thông tin ngành tài chính phải đầy đủ, đáp ứng các yêu cầu về giải pháp, công nghệ.

Nguồn: mekongasean.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2013/NĐ-CP, Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số.**

Bộ Tài chính cho biết, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2013/NĐ-CP (Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP của Chính phủ).

Quá trình thực hiện cho thấy Nghị định số 98/2013/NĐ-CP và các Nghị định sửa đổi, bổ sung đã góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, hỗ trợ tối đa, hiệu quả công tác quản lý, giám sát, điều hành thị trường bảo hiểm, thị trường xổ số Việt Nam trong thời gian qua, góp phần thúc đẩy thị trường phát triển lành mạnh, an toàn và hiệu quả.

Tuy nhiên, qua thực tiễn công tác quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm, việc Quốc hội ban hành Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 với 7 Chương, 157 Điều; ngày 01/7/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 thì quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 98/2013/NĐ-CP và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2013/NĐ-CP cũng phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Đối với lĩnh vực kinh doanh xổ số: Hiện chưa có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định số 98/2013/NĐ-CP.

Theo Bộ Tài chính, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2013/NĐ-CP, Nghị định số 48/2018/NĐ-CP, Nghị định số 80/2019/NĐ-CP, Nghị định số 102/2021/NĐ-CP của Chính phủ đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm là cần thiết, nhằm:

Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với các quy định mới được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đồng thời tháo gỡ những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thực hiện. Nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm trong công tác quản lý, giám sát và vận hành thị trường.

Theo dự thảo, các nội dung dự kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: Bổ sung đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định gồm: chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài; tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, văn phòng đại diện của tập đoàn tài chính, bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam;

Sửa đổi, bổ sung theo hướng rà soát, tăng mức xử phạt đối với một số hành vi liên quan đến việc cung cấp, bán sản phẩm bảo hiểm qua kênh ngân hàng hoặc kênh phân phối khác của đại lý bảo hiểm, cụ thể: Không cung cấp cho bên mua bảo hiểm các tài liệu trong quá trình giao kết hợp đồng bảo hiểm theo quy định; Không giải thích rõ ràng, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm theo quy định; Không cung cấp cho bên mua bảo hiểm bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm theo quy định; Đe dọa, cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm; Tài liệu giới thiệu sản phẩm không phản ánh trung thực các thông tin cơ bản tại quy tắc, điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng bổ sung các quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định mới được bổ sung tại Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và các văn bản, cụ thể: Quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, các quy định về việc thực hiện biện pháp cải thiện, các quy định về việc thực hiện biện pháp can thiệp sớm, các quy định về việc thực hiện biện pháp kiểm soát, không thực hiện trách nhiệm khi bị áp dụng biện pháp cải thiện, can thiệp sớm, biện pháp kiểm soát. Bổ sung hành vi vi phạm về công khai thông tin, một số quy định mới về xử phạt quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm...

*** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang đề nghị xây dựng Nghị định quy định một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.**

Theo đề xuất của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, mục tiêu của chính sách về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn nhằm điều chỉnh mức phụ cấp từ 15% lên 25% và từ 20% lên 30% đối với viên chức, người lao động làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

Cụ thể hóa đối với người làm việc được bổ nhiệm vào ngạch diễn viên lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đang thực hiện nghề, công việc được xác định hưởng các mức phụ cấp như sau:

Dự kiến mức phụ cấp 30% áp dụng đối với người chỉ huy dàn nhạc giao hưởng nhạc vũ kịch, dàn nhạc giao hưởng; diễn viên tuồng, chèo, cải lương, xiếc, múa rối nước, nhạc kịch Opera, vũ kịch (Ballet), kịch nói, kịch dân ca, kịch hình thể, kịch câm; người biểu diễn nhạc cụ hơi; kỹ thuật viên âm thanh, ánh sáng sân khấu tăng thêm 10% so với quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg).

Dự kiến mức phụ cấp 25% áp dụng đối với người chỉ huy dàn hợp xướng, dàn nhạc sân khấu truyền thống; diễn viên hát dân ca, hát mới, múa rối cạn, múa đương đại, múa dân gian dân tộc, múa hát cung đình, múa tạp kỹ; người biểu diễn nhạc cụ dây, nhạc cụ gõ, nhạc cụ bàn phím tăng thêm 10% so với quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg).

Mục tiêu của chính sách về chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn là điều chỉnh mức bồi dưỡng được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) so với mức lương cơ sở. Việc quy định các mức bồi dưỡng theo hướng giữ nguyên giá trị mức bồi dưỡng được quy đổi theo tỉ lệ phần trăm (%) dựa trên mức lương cơ sở tại thời điểm ban hành Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg áp dụng từ năm 2023 trở đi để phù hợp với thực tế, mang tính bền vững và diễn biến khi mức lương cơ sở tăng, góp phần khuyến khích sức sáng tạo của người nghệ sỹ biểu diễn.

Chế độ bồi dưỡng luyện tập tính theo số buổi thực tế theo các mức sau: a) Dự kiến hưởng 7% mức lương cơ sở/buổi tập áp dụng đối với diễn viên đóng vai chính trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch, vũ kịch, xiếc, rối; diễn viên hát chính, diễn viên múa chính, nhạc công độc tấu solist với dàn nhạc, chỉ huy dàn nhạc giao hưởng nhạc vũ kịch, chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, chỉ huy hợp xướng, chỉ huy dàn nhạc sân khấu truyền thống tương đương 126.000 đ/buổi; b) Dự kiến hưởng 5% mức lương cơ sở/buổi tập áp dụng đối với diễn viên đóng vai chính thứ trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch, vũ kịch, xiếc, rối; diễn viên hát chính thứ, diễn viên múa chính thứ, nhạc công chịu trách nhiệm lĩnh tấu trong dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc sân khấu truyền thống, diễn viên chịu trách nhiệm lĩnh xướng trong dàn hợp xướng; kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng sân khấu tương đương 90.000 đ/buổi; c) Dự kiến hưởng 4% mức lương cơ sở/buổi tập áp dụng đối với diễn viên đóng vai phụ trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch, vũ kịch, xiếc, múa rối, diễn viên múa, hợp xướng viên, nhạc công dàn nhạc giao hưởng, nhạc công dàn nhạc sân khấu truyền thống; kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng sân khấu tương đương 72.000đ/buổi; d) Dự kiến hưởng 3% mức lương cơ sở/buổi tập áp dụng đối với nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ, nhân viên kỹ thuật âm thanh, ánh sáng tương đương 54.000đ/buổi.

Chế độ bồi dưỡng biểu diễn tính theo số buổi biểu diễn và phục vụ biểu diễn thực tế đề xuất các mức sau: a) Dự kiến hưởng 17% mức lương cơ sở/buổi áp dụng đối với diễn viên chính, nhạc công chính, Chỉ đạo nghệ thuật chương trình nghệ thuật ca múa nhạc, vở diễn sân khấu (tương đương 306.000đ/buổi); b) Dự kiến hưởng 14% mức lương cơ sở/buổi áp dụng đối với diễn viên chính thứ, nhạc công chính thứ, kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng sân khấu (tương đương 252.000đ/buổi); c) Dự kiến hưởng 10% mức lương cơ sở/buổi áp dụng đối với diễn viên phụ, nhạc công, kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng sân khấu kể cả trưởng, phó đoàn, cấp dưỡng (tương đương 180.000đ/buổi); d) Dự kiến hưởng 7% mức lương cơ sở/buổi áp dụng đối với nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ, nhân viên kỹ thuật âm thanh, nhân viên kỹ thuật ánh sáng sân khấu (tương đương 126.000đ/buổi).

Trường hợp người tham gia biểu diễn nghệ thuật thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm thì chỉ hưởng mức bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn cao nhất.

*** Bộ Khoa học và Công nghệ đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia.**

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm e Khoản 1 Điều 2 về yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia như sau:

Thời gian thực hiện của mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương, bao gồm cả thời gian gia hạn không quá 36 tháng.

Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể thực hiện trong thời gian 36 tháng do yêu cầu của vấn đề khoa học và công nghệ thì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được Hội đồng khoa học và công nghệ xét duyệt đề cương chi tiết kiến nghị Lãnh đạo Bộ cho phép thực hiện. Ý kiến của Hội đồng được thể hiện trong Biên bản họp Hội đồng xét duyệt đề cương chi tiết của nhiệm vụ.

Thời gian tiến hành thủ tục thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương kể từ khi Bộ Khoa học và Công nghệ nhận được đề xuất nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh đến trước thời điểm ký kết hợp đồng giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương không quá 01 năm.

Sau 01 năm mà nhiệm vụ chưa được ký hợp đồng thực hiện thì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương cần đánh giá lại tính cấp thiết và tính mới của vấn đề khoa học và công nghệ trước khi tiến hành các thủ tục ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ. Việc đánh giá lại tính cấp thiết và tính mới của nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu sau: Có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẳng định vấn đề khoa học vẫn còn cấp thiết đối với địa phương; Có ý kiến đề xuất của các thành viên Hội đồng khoa học xét duyệt đề cương chi tiết nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương cần tiếp tục thực hiện tại phiếu xin ý kiến từng thành viên Hội đồng khoa học.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương được tiếp tục thực hiện khi đáp ứng đủ các yêu cầu tại điểm này và được trên 50% số phiếu của các thành viên Hội đồng khoa học đề xuất cần tiếp tục thực hiện.

Có cam kết góp vốn từ ngân sách của địa phương để thực hiện nhiệm vụ, tỷ lệ kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương tối thiểu bằng 10% kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương cấp để thực hiện nhiệm vụ.

*** Bộ Ngoại giao đang lấy ý kiến góp ý Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 01/2011/TT-BNG quy định thủ tục cấp giấy phép nhập cảnh thi hài, hài cốt, tro cốt về Việt Nam; Thông tư 02/2011/TT-BNG hướng dẫn thủ tục đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài; Thông tư 04/2020/TT-BNG hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ và cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực.**

Dự thảo sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2011/TT-BNG hướng dẫn thủ tục đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài như sau:

Người đề nghị đăng ký công dân nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

01 Phiếu đăng ký công dân được khai đầy đủ (có thể dưới hình thức khai trực tuyến trên trang điện tử của cơ quan đại diện);

01 bản chụp hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế hộ chiếu Việt Nam đối với người có hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng.

01 bản chụp giấy tờ có số định danh cá nhân đối với trường hợp không có hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng nhưng có 1 trong những loại giấy tờ chứng minh họ có quốc tịch Việt Nam. Trường hợp công dân Việt Nam chưa có số định danh cá nhân thì nộp 01 bản chụp giấy tờ tùy thân và 01 bản chụp giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 (Giấy khai sinh; Giấy chứng minh nhân dân; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em làm con nuôi).

01 phong bì có dán sẵn tem và địa chỉ người nhận trong trường hợp đương sự muốn nhận kết quả qua đường bưu điện.

Hồ sơ đề nghị đăng ký công dân được nộp trực tiếp tại Cơ quan đại diện hoặc gửi qua đường bưu điện.

Trường hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phép (bao gồm việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), cơ quan đại diện thực hiện tiếp nhận hồ sơ nộp qua môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-BNG quy định thủ tục cấp giấy phép nhập cảnh thi hải, hải cốt, tro cốt.

Theo đó, giấy tờ chứng minh người đề nghị thuộc diện: 1. Thân nhân của người chết; 2. Người được thân nhân của người chết ủy quyền bằng văn bản; 3. Cơ quan/đơn vị chủ quản của người chết, hoặc bạn bè, người quen của người chết, nếu người chết không có thân nhân hoặc thân nhân không phản đối việc đưa thi hải, hải cốt, tro cốt về nước như sau:

01 bản chụp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh của người đề nghị;

01 bản chụp giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân với người chết;

01 bản chụp một trong các loại giấy tờ: căn cước công dân, giấy xác nhận thông tin về cư trú, giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp người chết thuộc diện: Người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thân nhân (cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, chồng, vợ, con đẻ...) thường trú tại Việt Nam.

01 bản gốc văn bản ủy quyền trong trường hợp người đề nghị thuộc diện được thân nhân của người chết ủy quyền bằng văn bản.

01 bản gốc văn bản ủy quyền trong trường hợp người đề nghị là cơ quan, đơn vị chủ quản của người chết.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thể nộp trực tiếp tại Cơ quan đại diện hoặc gửi qua đường bưu điện. Trường hợp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phép (bao gồm việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), cơ quan đại diện thực hiện tiếp nhận hồ sơ nộp qua môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

*** Bộ Công Thương đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương.**

Theo dự thảo, Tổng cục Quản lý thị trường là tổ chức trực thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật.

Tổng cục Quản lý thị trường có nhiệm vụ và quyền hạn tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về tổ chức và hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường; về chế độ, chính sách đối với công chức Quản lý thị trường sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

Bên cạnh đó, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật: Chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường; áp dụng các biện pháp nghiệp vụ phục vụ hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành và xử lý vi phạm hành chính; thu thập tài liệu, chứng cứ, lấy mẫu sản phẩm hàng hóa, tang vật, phương tiện có dấu hiệu vi phạm, trưng cầu giám định, kiểm nghiệm mẫu vật là hàng hóa, tài liệu, giấy tờ, vật chứng liên quan đến vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân; xử lý vi phạm hành chính.

Kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lực lượng Quản lý thị trường theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, kinh phí được giao theo quy định của pháp luật.

Xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về quản lý địa bàn, kết quả kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính, cơ sở dữ liệu quản lý nhân sự, tài sản và cơ sở dữ liệu khác phục vụ hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường theo phân công của Bộ trưởng và quy định pháp luật; tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường với cấp có thẩm quyền...

Tổ chức Quản lý thị trường ở trung ương gồm: Văn phòng Tổng cục; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Kế hoạch - Tài chính; Vụ Chính sách - Pháp chế; Vụ Thanh tra - Kiểm tra; Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường; Tổ chức sự nghiệp: Tạp chí Quản lý thị trường.

Văn phòng Tổng cục và Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường được tổ chức 04 phòng.

Các tổ chức Quản lý thị trường ở địa phương gồm: a) Cục Quản lý thị trường ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đơn vị hành chính cấp tỉnh (gọi chung là Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường. Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổ chức không quá 03 phòng. b) Đội Quản lý thị trường cấp huyện trực thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh gồm: Đội Quản lý thị trường huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Đội Quản lý thị trường liên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Đội Quản lý thị trường chuyên ngành; Đội Quản lý thị trường cơ động. Đội Quản lý thị trường cấp huyện không tổ chức phòng.

Tổng cục Quản lý thị trường có Tổng cục trưởng và không quá 04 Phó Tổng cục trưởng.

Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật.

*** Văn phòng Chính phủ đang dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (chương trình công tác).**

Dự thảo nêu rõ, Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 1 Điều 18 Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2023 của Chính phủ, gồm có: Chương trình công tác năm, quý, tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ; chương trình công tác tuần của Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ.

Theo dự thảo, chương trình công tác năm gồm các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ trong năm, nêu rõ những nội dung sau: 1. Bộ, cơ quan, địa phương chủ trì, tên đề án, cấp trình, thời hạn trình xác định theo từng tháng; tên Vụ, đơn vị chuyên môn thuộc Văn phòng Chính phủ được phân công theo dõi đề án; 2. Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ được phân công phụ trách; 3. Nội dung trình tại phiên họp Chính phủ trong năm.

Chương trình công tác quý gồm các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng trong quý, nêu rõ những nội dung sau: 1. Bộ, cơ quan, địa phương chủ trì, tên đề án, cấp trình, thời hạn trình xác định theo từng tháng; tên chuyên viên và Vụ, đơn vị chuyên môn thuộc Văn phòng Chính phủ được phân công theo dõi đề án; 2. Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ được phân công phụ trách; 3. Chương trình phiên họp Chính phủ trong quý, gồm các nội dung trình bày và thảo luận tại phiên họp, nội dung gửi tài liệu không trình bày.

Chương trình công tác tháng gồm các đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng trong tháng, nêu rõ những nội dung sau: 1. Bộ, cơ quan, địa phương chủ trì, tên đề án, cấp trình; tên chuyên viên và Vụ, đơn vị chuyên môn thuộc Văn phòng Chính phủ được phân công theo dõi đề án; 2. Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ được

phân công phụ trách; 3. Chương trình phiên họp Chính phủ trong tháng, gồm các nội dung trình bày và thảo luận tại phiên họp, nội dung gửi tài liệu không trình bày.

Chương trình công tác tuần là lịch hoạt động của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ được xác định theo từng ngày trong tuần.

Theo dự thảo, chương trình công tác năm, quý, tháng được xây dựng trên cơ sở: 1. Chương trình làm việc, chỉ đạo, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Phó Thủ tướng Chính phủ; 2. Luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; 3. Đề xuất của các bộ, cơ quan, địa phương được Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;

Chương trình công tác tuần được xây dựng trên cơ sở chương trình công tác tháng và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ.

Dự thảo nêu rõ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sau khi được Thủ tướng Chính phủ thông qua.

Văn phòng Chính phủ ban hành chương trình công tác quý, tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chương trình công tác tuần của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ sau khi đã cập nhật bổ sung, điều chỉnh các đề án, kế hoạch công tác tuần theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ;

Theo dự thảo, căn cứ thời hạn trình quy định theo tháng, trường hợp đặc biệt có thể quy định cụ thể thời hạn trình theo ngày tại chương trình công tác; các bộ, cơ quan, địa phương chủ trì đề án phải trình trước ngày 20 của tháng, trừ trường hợp có chỉ đạo khác của Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;

Các đề án trình sau thời hạn quy định trên được coi là chậm trình so với tiến độ theo quy định của chương trình công tác; đến hết ngày cuối cùng của tháng mà các đề án chưa trình thì được xác định là nợ đọng và cơ quan chủ trì đề án được xác định là không hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ đối với đề án này.

Dự thảo nêu rõ, đề án đưa vào chương trình công tác năm, quý, tháng là các đề án thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc xem xét thông qua để trình cấp có thẩm quyền.

Việc xây dựng và thực hiện chương trình công tác phải bảo đảm kịp thời, đầy đủ, đúng thẩm quyền; tuân thủ đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, Quy chế làm việc của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan; các đề án không được trùng lặp, mâu thuẫn, thiếu tính khả thi, hiệu quả.

Các đề án không có trong chương trình công tác và không được Chính phủ, Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp thẩm quyền giao nhiệm vụ thì không đủ điều kiện trình xem xét, phê duyệt.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quá trình xây dựng, quản lý, thực hiện chương trình công tác và gắn kết chặt chẽ với công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

HÀ NỘI: THIẾU NHÂN LỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ

Sau khi ghi nhận nhiều kết quả tích cực về chuyển đổi số trong nửa đầu năm 2023, TP. Hà Nội vẫn tiếp tục đẩy mạnh công tác này trên toàn địa bàn thành phố nhưng nguồn nhân lực chưa đáp ứng đủ cả về số lượng lẫn chất lượng.

Thiếu nhân lực, thừa công việc

Năm 2023, TP. Hà Nội xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả của công tác này.

Tuy nhiên, đến nay, Công dịch vụ công TP. Hà Nội vẫn trong giai đoạn thử nghiệm và hoàn thiện, chưa vận hành chính thức đã gây khó khăn cho các đơn vị khi thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

Đối với TP. Hà Nội hay nhiều thành phố lớn khác, các các nhiệm vụ trong công tác chuyển đổi số đều mới, khối lượng công việc lớn. Thêm vào đó, các sở, ban, ngành, chính quyền các cấp của thành phố còn thiếu nhiều nhân lực công nghệ thông tin.

Đáng chú ý nhất, tại khối xã, phường, thị trấn ở TP. Hà Nội chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin. Thậm chí, báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số Quý I/2023 của TP. Hà Nội nêu rõ, nhiều công chức làm công nghệ thông tin xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác, dẫn đến thiếu hụt nghiêm trọng lực lượng công chức làm công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước.

Chính những điều này gây ảnh hưởng lớn tới tiến độ, chất lượng công tác tham mưu triển khai nhiệm vụ.

Theo đại diện Ủy ban nhân dân một xã ở Hà Nội (xin giấu tên), cơ quan này không có nhân sự liên quan trực tiếp đến công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính dẫn đến việc thực hiện công tác chuyên môn ở cơ sở bị quá tải.

Ngoài ra, tại đây có nhiều cán bộ phải kiêm rất "nhiều vai" như công tác thống kê, một cửa, nội vụ... Vì vậy, thực hiện các nhiệm vụ mà cấp quận, thành phố giao phó cũng bị "hụt" tiến độ.

Một trường hợp khác, chị H., công chức Bộ phận Một cửa ở một phường của TP. Hà Nội, cho biết cơ sở vật chất, kỹ thuật ở đơn vị luôn được đảm bảo. Tuy nhiên, phần mềm dịch vụ công liên tục thay đổi, đặc biệt là nhiều khi phần mềm bị "đơ" khiến việc giải quyết thủ tục hành chính bị ảnh hưởng.

Chị H. chia sẻ thêm: “Hiện, chúng tôi đang dùng phần mềm mới của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội nhưng phần mềm này chỉ mang tính chất quản lý, chưa thể cho ra kết quả thủ tục hành

chính. Do đó, một số thủ tục, chúng tôi phải gỡ tay, nhập thông tin từ phần mềm của thành phố sang phần mềm của Bộ Tư pháp để in kết quả ra cho người dân”.

Trước những bất cập nêu trên, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ đối với cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin để áp dụng thống nhất trên toàn quốc.

Theo đó, nếu có cơ chế đãi ngộ tốt hơn sẽ đảm bảo cho cán bộ yên tâm công tác, duy trì nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước.

Đề xuất chế độ mới hỗ trợ cán bộ chuyển đổi số

Bộ Nội Vụ cũng vừa trình lên Chính phủ báo cáo đánh giá thực trạng về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng.

Trong đó nêu rõ, đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng có vai trò hết sức quan trọng trong việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị để thực hiện mục tiêu chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ điện tử.

Do đó, việc cấp thiết nhất hiện nay là xây dựng chế độ, chính sách hợp lý đối với đội ngũ làm công tác chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng trong các cơ quan nhà nước để có thể giữ chân và tạo điều kiện cho họ yên tâm công tác.

Thực tế cho thấy, hiện tại, người làm công nghệ thông tin, người làm công tác chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng chưa có chính sách hỗ trợ riêng dù đặc thù công việc đòi hỏi kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và kinh nghiệm về công nghệ thông tin.

Ngoài ra, có rất ít các cơ quan, địa phương ban hành chính sách hỗ trợ đội ngũ làm công nghệ thông tin.

Trước tình trạng trên, Bộ Nội vụ đề xuất xây dựng Nghị định quy định về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng.

Cụ thể, Nghị định sẽ được áp dụng cho các đối tượng, gồm: cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, viên chức, công nhân, người làm công tác cơ yếu thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang phục vụ tại ngũ, thực hiện công tác chuyển đổi số và quản trị hệ thống, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin được xác định theo yêu cầu vị trí việc làm.

Cùng với đó, dự thảo Nghị định chỉ quy định mức hỗ trợ bằng mức tiền tuyệt đối, không gắn với mức lương cơ sở hoặc mức lương hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức.

Về mức hỗ trợ cụ thể, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án phù hợp với điều kiện ngân sách.

Thêm nữa, dự thảo quy định thời gian không được tính hưởng chế độ hỗ trợ, cụ thể: Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 1 tháng trở lên; thời gian nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; thời gian bị tạm giữ, tạm giam,

tạm đình chỉ công tác hoặc đình chỉ công tác từ 1 tháng trở lên; thời gian được cơ quan có thẩm quyền điều động đi công tác, học tập, làm việc mà không trực tiếp làm công tác CDS và quản trị hệ thống, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin liên tục từ 1 tháng trở lên.

Còn việc xác định người làm công tác chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng tại Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, do Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Bộ Nội vụ cũng đề xuất thời gian trình Chính phủ xem xét, thông qua đối với Nghị định quy định về chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng là tháng 10/2023.

Nguồn: kinhthedothi.vn

HÀ NỘI: TIẾP TỤC RÀ SOÁT, THỐNG NHẤT NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU BỘ PHẬN 'MỘT CỬA HIỆN ĐẠI'

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội vừa có Báo cáo số 343/BC-UBND về công tác cải cách hành chính 9 tháng năm 2023 của TP. Hà Nội.

Trong 9 tháng năm 2023, công tác cải cách hành chính của TP. Hà Nội tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Trong đó, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 07/8/2023 về “Tăng cường kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm giải quyết công việc trong hệ thống chính trị TP. Hà Nội”, đồng thời tổ chức hội nghị quán triệt trong toàn hệ thống chính trị thành phố về nội dung này. Qua đó góp phần thực hiện triệt để việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn hệ thống chính trị của thành phố.

TP. Hà Nội cũng tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai mô hình bộ phận “một cửa hiện đại”, xây dựng Bộ nhận diện bộ phận thủ tục hành chính TP. Hà Nội đồng bộ, thống nhất trên toàn thành phố, tạo điều kiện để người dân, tổ chức dễ dàng nhận biết nơi tiếp nhận thủ tục hành chính và giúp cơ quan nhà nước đầu tư, cải tạo, quản lý bộ phận “một cửa” bảo đảm theo chuẩn quy định “một cửa hiện đại”.

Đáng chú ý, TP. Hà Nội đã thông qua một số mức thu phí, lệ phí, trong đó không thu phí, lệ phí đối với cá nhân, tổ chức khi nộp hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến trên môi trường mạng đến hết ngày 31/12/2025. Đây là một trong những giải pháp để khuyến khích cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố.

Việc triển khai đưa vào vận hành chính thức 4 hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung thành phố cũng đã hỗ trợ đắc lực cho công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đến các cấp chính quyền thành phố được đồng bộ, thống nhất, xuyên suốt, công khai, minh bạch, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ hiệu quả, bảo đảm nhanh chóng, kịp thời dựa trên dữ liệu số, qua đó thúc đẩy cải cách hành chính, chuyển đổi số.

Về một số nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2023, TP. Hà Nội sẽ tập trung triển khai thực hiện 11 nhóm nội dung về cải cách hành chính. Trong đó, nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu là tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả trong công tác cải cách hành chính gắn với việc thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin. Tập trung các nguồn lực, giải pháp thực hiện để hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính năm 2023, kế hoạch duy trì, cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023...

Cùng với đó, TP. Hà Nội sẽ tiếp tục rà soát, thống nhất nhận diện thương hiệu bộ phận “một cửa hiện đại” tại các cơ quan, đơn vị của thành phố; thực hiện rà soát, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, tối ưu hóa các quy định, quy trình hành chính, thủ tục hành chính nội bộ, trọng tâm là các thủ tục liên quan đến đất đai, đầu tư, xây dựng, tư pháp, y tế, giáo dục, giao thông vận tải, phòng chống cháy, nổ...

Nguồn: hanoimoi.vn

TP. ĐÀ NẴNG: CHI TIỀN CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐI HỌC LUẬT

Theo Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng, việc chuẩn hóa trình độ pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một nhiệm vụ quan trọng trong cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

Ngày 21/9, Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng trong kỳ họp chuyên đề đã thông qua tờ trình về chính sách hỗ trợ đào tạo văn bằng đại học thứ 2 ngành Luật đối với cán bộ, công chức, viên chức của thành phố.

Theo đó, các cán bộ, công chức, viên chức được TP. Đà Nẵng hỗ trợ đi học luật phải có thời gian công tác từ đủ 3 năm trở lên (không kể thời gian tập sự). Thời gian công tác còn lại sau khi hoàn thành chương trình đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành luật phải đủ ít nhất 5 năm đối với lãnh đạo, quản lý hoặc ít nhất 10 năm đối với công chức, viên chức chuyên môn.

Ngoài ra, người được cử đi học phải có ít nhất 2 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Theo Sở Nội vụ, thời gian đào tạo văn bằng hai ngành luật khoảng 2,5 năm với 109 tín chỉ. Mức học phí toàn khóa học là khoảng 75 triệu đồng. Qua tổng hợp, có khoảng 60 cán bộ, công chức, viên chức đăng ký.

Người có nhu cầu tham gia chương trình đào tạo văn bằng đại học thứ hai ngành luật do các trường đại học chuyên ngành về pháp luật mở lớp tại TP. Đà Nẵng sẽ được hưởng trợ cấp tốt nghiệp một lần với kinh phí bằng 50% học phí (không bao gồm kinh phí phát sinh do học lại, thi lại) sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

TP. Đà Nẵng yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức cam kết làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc thành phố quản lý trong thời gian ít nhất 2 năm sau khi tốt nghiệp.

Trường hợp xin thôi việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa đủ thời gian công tác theo cam kết thì phải đền bù toàn bộ kinh phí đã được nhận.

Theo Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng, việc chuẩn hóa trình độ pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một nhiệm vụ quan trọng. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác pháp chế tại các sở, ban, ngành tính đến năm 2022 là 18 người trong tổng số 20 cơ quan, đơn vị; trong đó chỉ có 8 người làm chuyên trách.

Tính đến tháng 6/2023, số lượng cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đào tạo chuyên môn ngành luật đang công tác chỉ chiếm khoảng 4%. Cụ thể có 998 người trên tổng số 23.981 cán bộ, công chức, viên chức khối chính quyền.

Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng cho biết thêm, qua công tác thanh tra, điều tra, kiểm toán, các cơ quan chức năng cũng đã chỉ ra nhiều hạn chế, thiếu sót trong quá trình tham mưu và thực thi nhiệm vụ. Thậm chí, không ít trường hợp sai phạm do cán bộ công chức, viên chức có sự chủ quan, thiếu kiến thức, kỹ năng áp dụng pháp luật trong quá trình xử lý công việc.

Nguyên nhân của tình trạng này là nhiều người chưa được trang bị, đào tạo, bồi dưỡng bài bản về kiến thức và kỹ năng áp dụng pháp luật trong những lĩnh vực quản lý tương ứng với vị trí công tác, dẫn đến lúng túng trong giải quyết công việc.

Nguồn: baophapluat.vn

BẮC NINH: CHUYỂN ĐỔI SỐ MẠNH MẼ ĐỂ BỨT PHÁ

Tỉnh Bắc Ninh đã chuyển động mạnh mẽ để thúc đẩy, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và có những đột phá tích cực.

Chuyển đổi số trên 3 trụ cột

Thực hiện Chương trình chuyển đổi số, Bắc Ninh đã sớm tiếp cận chủ trương của Chính phủ. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh ban hành Nghị quyết 52 về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 dựa trên 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Đến nay, hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu thành phố thông minh có các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Từ trung tâm này, giai đoạn 1 đã kết nối với 300 camera trong TP. Bắc Ninh, dự kiến sớm kết nối toàn bộ camera toàn tỉnh; có 30 trạm quan trắc khí và nước; 328.135 điểm trên bản đồ GIS; 30 hệ thống phần mềm và ứng dụng trên Mobile...

Các cơ quan Đảng, Nhà nước được kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng với 177 điểm kết nối; Hội nghị truyền hình trực tuyến 3 cấp trên địa bàn toàn tỉnh được triển khai với 160 điểm kết nối; Mạng 4G được phủ sóng rộng khắp, tỷ lệ dân số sử dụng điện thoại thông minh đạt 110%, 100% thôn, khu phố được cáp quang hóa, an toàn thông tin được bảo đảm.

Hiện hệ thống thông tin một cửa tích hợp dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Bắc Ninh cung cấp 1.348 trong số 1.731 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Hệ thống văn bản điện tử được trao đổi thông qua hệ thống liên thông ba cấp đạt trên 90%; từ cấp tỉnh đến cấp xã và các cơ quan khối Đảng, đoàn thể có tích hợp chữ ký số; hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Bắc Ninh đã cấp được khoảng hơn 11.000 tài khoản thư điện tử cho các cơ quan, đơn vị.

Xây dựng công dân số làm nền tảng chuyển đổi số bền vững

Bí thư Tỉnh ủy Bắc Ninh Nguyễn Anh Tuấn từng nhấn mạnh: “Chuyển đổi số phải bắt đầu từ công dân số, do đó phải xây dựng lớp công dân số mới nhằm đảm bảo hiệu quả của chuyển đổi số mang tính bền vững lâu dài, toàn diện và đồng bộ”. Theo lãnh đạo tỉnh Bắc Ninh, quá trình chuyển đổi số phải diễn ra toàn diện, đồng bộ từ cấp tỉnh, đến cấp xã; phải đo lường được quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Thời gian qua, địa phương triển khai tích cực việc thực hiện Đề án 06/CP phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số; 100% Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh đã thành lập mô hình “Dịch vụ công trực tuyến”, bảo đảm tất cả người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ.

Tỉnh Bắc Ninh cũng đã sớm xây dựng triển khai phần mềm phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Với gần 4.000 kiến nghị, tỷ lệ xử lý đạt gần 90%, ứng dụng đã và đang trở thành một kênh thông tin tương tác quan trọng giữa chính quyền và người dân, góp phần tích cực cải thiện mức độ hài lòng của người dân cũng như nâng cao thứ hạng các bộ chỉ số đánh giá về tỉnh.

Đặc biệt, để kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số từ cấp tỉnh đến cấp huyện, 100% thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập 733 Tổ công nghệ số cộng đồng với 3.252 thành viên. Tổ công nghệ số cộng đồng đã phát huy vai trò là “cánh tay nối dài” của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số từ tỉnh, huyện đến xã, phường, thị trấn, tổ, đội, đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số mạnh mẽ.

Tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội

Nhờ những bước đi cụ thể, các giải pháp quyết liệt, đồng bộ, chuyển đổi số đã giúp tỉnh tạo đột phá trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Những năm qua, Bắc Ninh đạt được nhiều thành tựu về kinh tế - xã hội, tỉnh ghi nhận các chỉ số điều hành, quản trị địa phương luôn trong top đầu cả nước.

Năm 2022, tỉnh Bắc Ninh đứng đầu cả nước về tỉ trọng Kinh tế số trên GRDP là 56,83%. Tỉnh thu hút được 2,22 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đứng thứ 4 toàn quốc. Cũng trong năm này, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Bắc Ninh đạt 69,08 điểm, đứng vị trí thứ 7 cả nước. Theo kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh năm 2022 (chỉ số DTI), tỉnh Bắc Ninh xếp thứ 7; trong đó xếp thứ 10 về chính quyền số; xếp thứ 5 về kinh tế số; xếp thứ 7 về xã hội số.

Chia sẻ về lộ trình chuyển đổi số giai đoạn tiếp theo, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Nguyễn Thị Lệ Tuyết cho biết, tỉnh Bắc Ninh định hướng đến năm 2025, phát triển kinh tế số chiếm trên 20% GRDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu

10%; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 10%. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, tính hướng đến hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, 90% hộ gia đình. Cùng với đó, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh; đưa tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%. Bắc Ninh cũng phấn đấu đạt chỉ số an toàn thông tin mạng thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước.

"Với các nhiệm vụ đề ra, cùng với kết quả mà tỉnh đạt được thời gian qua, Bắc Ninh tin tưởng tiếp tục đạt nhiều thành quả trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia", bà Tuyết kỳ vọng.

Nguồn: vietnamnet.vn

HÒA BÌNH: QUYẾT LIỆT CẢI THIỆN CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng. Trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Qua đó, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của tỉnh tăng 9 bậc so với năm 2021, xếp thứ 53/63 tỉnh, thành trong cả nước.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hòa Bình lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đặt mục tiêu mỗi năm tăng 3 bậc trên bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Đồng thời, xác định, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là một trong những đột phá chiến lược nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020 - 2025. Tuy nhiên, năm 2021 - năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh rơi xuống vị trí 62/63 tỉnh, thành và thuộc nhóm được đánh giá thấp. Do vậy, việc cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là trăn trở của cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn.

Theo đó, nhiều giải pháp đồng bộ đã được tỉnh Hòa Bình tập trung chỉ đạo quyết liệt. Cả hệ thống chính trị vào cuộc với quyết tâm xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã bổ sung nhiều cơ chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi, bình đẳng cho các thành phần kinh tế phát triển. Nhất là triển khai kịp thời nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp như: giảm, giãn thuế, ưu tiên giải quyết nợ đọng trong xây dựng cơ bản; tăng cường đối thoại với doanh nghiệp; tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính... nhằm tạo thuận lợi nhất cho doanh nghiệp. Đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Bên cạnh đó, một trong những nhiệm vụ xuyên suốt mà các cấp, các ngành nỗ lực triển khai là liên tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Những giải pháp trên đã tạo được niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 của tỉnh Hòa Bình đã được cải thiện 9 bậc so với năm 2021. Đáng chú ý, một vài chỉ số thành phần đã được cải thiện đáng kể về số điểm so với năm 2021, như: chỉ số chi phí không chính thức đạt 6.57 (năm 2021 đạt 5.32); chỉ số chi phí thời gian đạt 6.83 (năm 2021 đạt 6.11); chỉ số cạnh tranh bình đẳng đạt 6.01 (năm 2021 đạt 5.10); chỉ số tính năng động đạt 6.79 (năm 2021 đạt 5.89)... Đây là tín hiệu tốt cho tỉnh cũng như là lời mời hấp dẫn cho các nhà đầu tư quan tâm đến tỉnh Hòa Bình.

Quyết liệt nâng cao năng lực, thái độ phục vụ

Đã có bước chuyển biến tích cực nhưng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh còn ở top cuối; môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự bứt phá, việc tiếp cận đất đai của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn; một số quy hoạch còn chồng chéo; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao. Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn; hạ tầng khu công nghiệp chậm được đầu tư; công tác phối hợp giữa các cơ quan chưa kịp thời... Đó là nhận định chung của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và các đại biểu tại hội nghị bàn giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tỉnh Hòa Bình năm 2023 vừa qua.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình Bùi Văn Khánh khẳng định, việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có ý nghĩa rất quan trọng trong đánh giá năng lực của tỉnh, góp phần thúc đẩy thu hút đầu tư, từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức đối với cộng đồng doanh nghiệp, người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, các cấp, ngành, địa phương cần quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo, điều hành; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trên tất cả lĩnh vực.

Đặc biệt, phải nhanh chóng nâng cao năng lực chuyên môn, tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ tại bộ phận một cửa các cấp; các sở, ngành, địa phương chủ động cung cấp thông tin quy hoạch, kế hoạch, triển khai các dự án, giúp cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận nhanh hơn với các thông tin chỉ đạo, điều hành và chủ trương, chính sách của tỉnh; tăng cường tổ chức gặp gỡ, đối thoại tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Các sở, ngành, địa phương nghiêm túc thực hiện các giải pháp cụ thể, kịp thời chấn chỉnh hành vi những vi phạm; tạo điều kiện thuận lợi, cơ hội cho doanh nghiệp vượt qua khó khăn, nắm bắt thời cơ phát triển bền vững.

Năm 2023 - năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, trong bối cảnh kinh tế - xã hội đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tiến tới thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, tiếp tục đòi hỏi sự bền bỉ và quyết liệt trong tiến trình nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Trong đó, những giải pháp thúc đẩy sản xuất - kinh doanh, bảo đảm môi trường chính sách an

toàn cho doanh nghiệp phát triển được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cần chỉ đạo mạnh mẽ và tổ chức thực hiện quyết liệt trong thời gian tới.

Nguồn: daibieunhandan.vn

PHÚ THỌ: CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Với sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị đã giúp đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ theo ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Sau hai năm thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày 13/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ về Đề án phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 - 2025, hướng đến 2030, với sự vào cuộc mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị đã giúp đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ theo ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Với nhiều giải pháp triển khai đồng bộ, đến nay đã hoàn thành 3/6 mục tiêu đến năm 2025, ba mục tiêu còn lại đạt mức khá, đảm bảo hoàn thành đến năm 2025. Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được chỉ đạo, triển khai đồng bộ, liên thông ba cấp trong tỉnh, tạo chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Chuyển đổi phương thức làm việc truyền thống của các cơ quan nhà nước sang môi trường điện tử, hướng tới môi trường số, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong cơ quan nhà nước; công khai, minh bạch thông tin, nhất là các dịch vụ công, phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp.

Để thúc đẩy chuyển đổi số, tỉnh đã đầu tư, triển khai cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số tập trung, thống nhất trong toàn tỉnh như: Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, hệ thống mạng diện rộng, hệ thống hội nghị trực tuyến, Trung tâm điều hành thông minh, Trung tâm giám sát an toàn thông tin, Trung tâm dữ liệu số.

Các hệ thống trên hoạt động ổn định, liên tục, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và khai thác, sử dụng của chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số. Nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng.

Hiện nay, 100% cơ quan nhà nước của tỉnh đã bố trí cán bộ chuyên trách/phụ trách về công nghệ thông tin; hơn 17.842 lượt cán bộ được đào tạo, tập huấn phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, hơn 500 cán bộ lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã được đào tạo trực tuyến bồi dưỡng về chuyển đổi số.

Toàn tỉnh Phú Thọ có 2.356 tổ công nghệ số cộng đồng với 7.454 thành viên tích cực hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các ứng dụng trên nền tảng số, giúp việc chuyển đổi số đến được với người dân, nhất là người dân vùng sâu, vùng xa. Tỉnh Phú Thọ là một trong

những tỉnh đầu tiên triển khai thành công hệ thống truyền hình trực tuyến liên thông bốn cấp từ Trung ương đến cấp tỉnh, huyện, xã.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính được triển khai đồng bộ, thống nhất, liên thông đến 100% các cơ quan nhà nước của tỉnh đến cấp huyện, xã. Tính đến tháng 7/2023, hệ thống cung cấp 1.988 thủ tục hành chính, trong đó dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 670 thủ tục (đạt 33,7%), dịch vụ công trực tuyến một phần: 863 thủ tục (đạt 43,4%).

Thực hiện kết nối liên thông 1.116 thủ tục hành chính của tỉnh Phú Thọ với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến đạt 69,86%, tăng 34,67% so với năm 2021, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong các giao dịch với cơ quan nhà nước. 100% cơ quan nhà nước của tỉnh triển khai gửi nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy (trừ văn bản mật theo quy định).

Chị Nguyễn Thị Thanh Hương - khu Thông Đâu, phường Minh Nông, TP. Việt Trì cho biết: “Hiện nay, tôi và nhiều đồng nghiệp đều thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến thay vì đến Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt việc thanh toán tiền điện, nước, nộp tiền học cho con tôi cũng đều chuyển khoản, các thao tác đơn giản, thuận tiện mà không mất thời gian đi lại, chờ đợi”.

Việc xây dựng, hoàn thiện các Cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển chính quyền số, đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ và thống nhất từ Trung ương tới địa phương. Kho dữ liệu và Cổng chuyển đổi số của tỉnh được triển khai xây dựng; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được các cơ quan, đơn vị tích cực triển khai, từng bước đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng trong các cơ quan nhà nước.

Để hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về dân cư trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, đến nay đã hoàn thành cấp thẻ căn cước công dân, cấp 820.653 tài khoản định danh điện tử, kích hoạt 773.675 tài khoản. Bên cạnh đó, các cơ sở dữ liệu địa chính, y tế, giáo dục, hộ tịch... đang dần hoàn thiện, triển khai kết nối, liên thông, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu với các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Nguồn: vietnamnet.vn/Báo Phú Thọ

LÀO CAI: CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG GÓP PHẦN XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TINH GỌN

Chính sách tiền lương là một bộ phận đặc biệt quan trọng của hệ thống chính sách kinh tế - xã hội; liên quan trực tiếp đến các cân đối lớn của nền kinh tế, thị trường lao động và đời sống người hưởng lương, góp phần xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Để đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 08/8/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW; Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch số 283/KH-UBND, ngày 05/10/2018 thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16/8/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã tổ chức quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW, tạo được sự đồng bộ của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người hưởng lương và toàn xã hội trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chính sách tiền lương.

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai Vũ Xuân Cường cho biết, thời gian qua để thực hiện hiệu quả cải cách chính sách tiền lương, Tỉnh ủy Lào Cai đã lãnh đạo tổ chức tuyên truyền, quán triệt đầy đủ, kịp thời nội dung Nghị quyết số 27 -NQ/TW và cụ thể hóa bằng việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; chủ động rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách hành chính, rà soát sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động; chỉ đạo Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Chỉ thị về việc đẩy mạnh thực hiện chính sách tinh giản biên chế, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các Nghị quyết về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ công tác theo nguyện vọng nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có cơ cấu hợp lý, số lượng phù hợp; đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện tinh giản đảm bảo tỉ lệ theo Đề án đã được phê duyệt.

Theo Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước; thực hiện các mức lương cơ sở được điều chỉnh theo Nghị quyết của Quốc hội và quy định của Chính phủ, bảo đảm quyền lợi cho cán bộ, công chức và viên chức, người lao động; các chính sách về an sinh xã hội có liên quan đến người hưởng tiền lương, tiền công đã được triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống cho người nghỉ hưu; đảm bảo an sinh xã hội, giảm bớt khó khăn do trượt giá gây ra.

Đối với người lao động trong các doanh nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai đều tuân thủ việc điều chỉnh mức lương tối thiểu theo quy định cho người lao động, thực hiện nghiêm các nội dung đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc các thỏa thuận hợp pháp khác có lợi cho người lao động theo quy định. Căn cứ vào chỉ tiêu được giao, quỹ tiền thưởng được hình thành từ một phần lợi nhuận sau khi trừ các khoản theo quy định của Nhà nước trong trường hợp công ty có lợi nhuận,... qua đó đã thu hút và tạo việc làm cho người lao động với mức lương ổn định.

Đến nay, kết quả rà soát sau gần một năm thực hiện Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh cho thấy: đối với lương tối thiểu tháng, từ ngày 01/7/2022, 100% doanh nghiệp trong tỉnh đã rà soát, triển khai, điều chỉnh thang lương, bảng lương, áp dụng tiền lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP; ký kết phụ lục hợp đồng lao động bảo đảm về tiền lương và các chế độ khác có liên quan với người lao động; tiếp tục thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể. Đối với người lao động đã qua học nghề mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng đối với công việc đòi hỏi qua học nghề, đào tạo nghề.

Cụ thể, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước, tiền lương thấp nhất 5.400.000 đồng/người/tháng, cao hơn mức lương vùng IV theo quy định hiện hành 66,15%. Trong khi đó, doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của nhà nước tiền lương thấp nhất 4.600.000 đồng/người/tháng, cao hơn mức lương vùng IV là 41,54%. Khảo sát tại doanh nghiệp dân doanh, tiền lương thấp nhất 4.000.000 đồng/người/tháng, cao hơn mức lương vùng IV là 23,07%.

Bám sát điều kiện, đặc điểm của địa phương, để tạo nguồn lực cho cải cách chính sách tiền lương, tỉnh Lào Cai đã và đang triển khai thực hiện cơ chế tạo nguồn lực thực hiện chính sách tiền lương theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về điều hành dự toán chi ngân sách hàng năm. Đồng thời, tỉnh Lào Cai đã thực hiện nhiều giải pháp như: Triển khai các nhiệm vụ cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm tổng nguồn thu và cơ cấu thu bền vững; tăng cường quản lý thu, tạo chuyển biến căn bản trong việc chống thất thu, xử lý và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ phí sang thực hiện giá dịch vụ sự nghiệp công; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và đầu tư xây dựng cơ bản.

Thời gian tới, tỉnh Lào Cai sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về cải cách chính sách tiền lương đồng bộ với đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết số 27-NQ/TW đề ra.

Đồng thời, tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 27-NQ/TW; tiếp tục rà soát hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, sử dụng hiệu quả số lượng biên chế được giao, gắn với tinh giản biên chế. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ và hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính trong các đề án, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Chủ động rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương về cán bộ, công chức, viên chức, lao động trong doanh nghiệp và văn bản có liên quan đến chính sách tiền lương trong khu vực công và các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, bảo đảm phù hợp với chính sách tiền lương mới của Trung ương ban hành.

Tăng cường phân cấp, giao quyền tự chủ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, bổ nhiệm, kỷ luật, trả lương và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong doanh nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện công tác tổ chức cán bộ gắn với thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội. Xử lý nghiêm các trường hợp thực hiện không nghiêm túc hoặc không thực hiện nhiệm vụ được giao trong thực hiện cải cách chính sách tiền lương gắn với cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và vi phạm quy định của pháp luật về tiền lương.

Nguồn: dangcongsan.vn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH NAM ĐỊNH: BƯỚC NHẢY VƯỢT TRONG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với hiện đại hóa kho bạc; tổ chức các hội nghị để trao đổi, phổ biến về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước nhằm đem lại sự hài lòng và chất lượng phục vụ cao nhất cho các tổ chức, cá nhân, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và người dân có giao dịch với hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định.

Trong những năm gần đây, Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định đã nghiêm túc, quyết liệt triển khai thực hiện và có nhiều đổi mới trong phương thức lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo điều hành công việc, qua đó góp phần tạo nên sự thông suốt, thuận lợi đối với khách hàng có quan hệ giao dịch với Kho bạc.

Nhờ đó, theo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị, tổ chức và cá nhân đối với sự phục vụ của Kho bạc Nhà nước đợt I năm 2023 do Kho bạc Nhà nước tiến hành, tỷ lệ đánh giá mức độ hài lòng đối với Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định đạt 96,03%, xếp thứ 16/64 đơn vị Kho bạc Nhà nước trên toàn quốc.

Theo Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định Vũ Hữu Lợi, nếu như năm 2021 thứ hạng của Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định tại bảng xếp hạng này là 49 thì bước sang năm 2022 là 30; và năm 2023 Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định đã tăng tới 14 bậc lên vị trí thứ 16/64 (tăng 14 bậc so với năm 2022) Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước được khảo sát.

Kết quả này có được là nhờ việc Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định đã đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên các lĩnh vực; tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tiếp tục thực hiện việc công bố, công khai, cập nhật, niêm yết kịp thời các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc; tăng cường hướng dẫn, giải thích, cung cấp

đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước tới Khách hàng có quan hệ giao dịch với Kho bạc...

Đáng chú ý, Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định đã liên tục tổ chức các Hội nghị phổ biến và trao đổi về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh. Theo đó, đã tổ chức thành công 9 Hội nghị phổ biến và trao đổi về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước tới 1.304 đơn vị giao dịch với tổng số 2.393 đại biểu tham dự là Lãnh đạo, Kế toán trưởng, Phụ trách kế toán của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc ngân sách cấp trung ương, tỉnh, huyện, các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân và Phụ trách kế toán các phường, xã, thị trấn có quan hệ giao dịch với hệ thống Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Để nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng có quan hệ giao dịch với Kho bạc, Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định cũng không ngừng nâng cao chất lượng của các cán bộ, công chức tại đơn vị. Theo đó, đã tổ chức Hội thi nghiệp vụ Kế toán Nhà nước, Kiểm soát chi năm 2023 cho tất cả công chức làm công tác Kế toán Nhà nước, Kiểm soát chi, Thanh tra - Kiểm tra trong hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định; tổ chức phỏng vấn các nội dung liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định đối với tất cả cán bộ chủ chốt trong hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định.

Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định Vũ Hữu Lợi cho biết, Hội thi nghiệp vụ Kế toán Nhà nước, Kiểm soát chi năm 2023 tại Nam Định có tổng số 109 công chức dự thi, trong đó 89 công chức dự thi nghiệp vụ Kế toán Nhà nước và 20 công chức dự thi nghiệp vụ Kiểm soát chi. Kết quả thi đã đánh giá, phản ánh tương đối chính xác năng lực, trình độ nghiệp vụ của cán bộ công chức, đặc biệt là năng lực của 22 công chức tập sự.

Qua Hội thi đã khuyến khích công chức tích cực học tập, trau dồi kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, say mê nghiên cứu, nâng cao hiệu quả công việc, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng của Hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định, nhằm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ chính trị, chuyên môn theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Thời gian tới, Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định sẽ tiếp tục bám sát chỉ đạo của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và cấp ủy chính quyền địa phương để đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm, lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức là thước đo quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng công chức Kho bạc Nhà nước có thái độ hách dịch, sách nhiễu, gây khó khăn cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động nghiệp vụ và hoạt động quản trị nội bộ nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và chất lượng cung cấp dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, góp phần xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

THỪA THIÊN - HUẾ: TRIỂN KHAI MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐIỆN HÌNH

Vừa qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế cho biết, cơ quan này vừa ban hành kế hoạch triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điện hình năm 2023. Kế hoạch cũng đặt ra các mục tiêu cụ thể đối với mô hình chuyển đổi số cấp tỉnh và mô hình chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã.

Với mô hình chuyển đổi số cấp tỉnh, tỉnh Thừa Thiên - Huế phân đấu 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn kết nối hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ để đáp ứng triển khai các dịch vụ số, đảm bảo an toàn thông tin.

Tỉnh Thừa Thiên - Huế cũng phân đấu trên 90% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.

Đối với nội dung kinh tế số, tỉnh Thừa Thiên - Huế phân đấu kinh tế số chiếm 15% GRDP; tối thiểu 20% sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được chứng nhận thương hiệu có mặt trên các sàn thương mại điện tử. Tỉnh Thừa Thiên - Huế đặt mục tiêu hình thành 30 doanh nghiệp công nghệ số, 20% các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện chuyển đổi số.

Đối với nội dung xã hội số, tỉnh Thừa Thiên - Huế phân đấu tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng di động, phủ băng rộng cố định đạt 100%; tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 90%; tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 85%; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh (smartphone) đạt 90%; tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet đạt 90%; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%...

Với mô hình chuyển đổi số cấp huyện và cấp xã, tỉnh Thừa Thiên - Huế phân đấu 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử; 100% các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ có lợi thế của huyện, xã và sản phẩm OCOP được quảng bá qua môi trường mạng...

Chia sẻ với Báo điện tử VietNamNet, một lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế cho biết, để triển khai mô hình tỉnh chuyển đổi số điện hình năm 2023, địa phương có nhiều thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

Cụ thể, tỉnh Thừa Thiên - Huế được xem là một trong những địa phương của cả nước đi đầu trong chuyển đổi số, phát triển và vận hành hiệu quả hệ thống đô thị thông minh.

Thời gian qua, địa phương này tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác chuyển đổi số toàn diện cho các cấp, các ngành, do anh nghiệp, người dân trên toàn tỉnh Thừa Thiên - Huế. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách nhằm tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp triển khai chuyển đổi số.

Xây dựng hạ tầng số đảm bảo triển khai chính quyền số trong giai đoạn tới; phát triển hạ tầng số phục vụ doanh nghiệp người dân thụ hưởng kết quả chuyển đổi số. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các nền tảng trong phục vụ chỉ đạo điều hành của chính quyền, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, nhân dân, du khách.

Xây dựng lộ trình để hoàn thiện dữ liệu số đầy đủ, chính xác, dữ liệu sống theo thời gian thực. Tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng cho hoạt động chuyển đổi số. Đào tạo nhân lực đảm bảo triển khai chính quyền số, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, hình thành khu công nghệ thông tin tập trung nhằm phát triển kinh tế số. Triển khai các hoạt động thúc đẩy xã hội số toàn diện.

Tuy nhiên, tỉnh Thừa Thiên - Huế còn gặp nhiều thách thức, khó khăn trong việc kêu gọi các nhà đầu tư là những “ông lớn” ngành công nghệ thông tin về đầu tư tại địa phương; do điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn nên hạ tầng để phục vụ chuyển đổi số chưa được phát triển xứng tầm...

Nguồn: vietnamnet.vn

ĐẮK LẮK: TĂNG 32 BẬC VỀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Tỉnh Đắk Lắk đã khắc phục khó khăn, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả nền hành chính công, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển. Năm qua, tỉnh Đắk Lắk đã tăng 32 bậc về chỉ số hài lòng của người dân, xếp thứ 27 trong cả nước.

Vừa làm xong các giấy tờ cần thiết ở bộ phận một cửa tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, anh Trần Vũ Hải Đăng cho biết, anh chỉ mất khoảng 30 phút cho việc làm thủ tục giấy tờ: “Hôm nay tôi tới xã Ea Tiêu để làm giấy xác nhận đăng ký độc thân, thì tôi thấy cán bộ, công nhân viên chức ở đây hỗ trợ rất nhiệt tình, hướng dẫn cụ thể điền thông tin thế nào, giải quyết thủ tục nhanh chóng để người dân không mất thời gian khi tới làm thủ tục”.

Theo số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Cư Kuin, hàng năm mỗi xã trên địa bàn tiếp nhận từ 13.000 đến 16.000 lượt hồ sơ. Nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi đến làm hồ sơ thủ tục, các xã đã niêm yết công khai Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại bảng niêm yết của trụ sở cơ quan và trên trang điện tử của xã; phân công các đồng chí thuộc các bộ phận chuyên môn và lãnh đạo xã thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Các xã cũng áp dụng mô hình “Văn minh hành chính” gắn với “Ngày thứ 5 công dân không viết, chính quyền không hẹn” mang lại những hiệu quả tích cực.

Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin Nguyễn Kim May cho biết: “Chúng tôi đã bố trí hệ thống camera giám sát công chức tại bộ phận một cửa cũng như

nắm được vấn đề người dân đến giao dịch hành chính, qua đó tăng trách nhiệm cán bộ công chức trong cơ quan. Một số giải quyết thủ tục hành chính chúng tôi luôn linh hoạt, tạo điều kiện tốt nhất, đảm bảo cho người dân trong vấn đề thực hiện thủ tục hành chính, đó là vấn đề thời gian chúng tôi hạn chế hện theo quy định pháp luật, tạo điều kiện tốt cho người dân thì chúng tôi tranh thủ giải quyết...”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cư Kuin Võ Tấn Huy cho biết, để xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành kế hoạch về cải cách hành chính nhà nước của từng năm. Định kỳ, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức sơ kết, giao ban công tác cải cách hành chính nhằm quán triệt chương trình, kế hoạch, đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế tồn tại để đưa ra những giải pháp, nhiệm vụ phù hợp cho thời gian tiếp theo. Cùng với đó, huyện triển khai việc ký cam kết thực hiện nhiệm vụ đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn. Huyện cũng xây dựng kế hoạch dựng mạng xã hội Zalo để làm kênh tương tác giữa nhân dân với chính quyền huyện...

Ông Võ Tấn Huy nói: "Một trong những nội dung mà huyện tập trung quan tâm đó là cải cách tài chính công, cải cách đầu tư các trang thiết bị từ huyện đến xã theo hướng thuận tiện, hiện đại cho người dân. Đồng thời, phối hợp với Bru chính viễn thông để cung cấp các nền tảng để thực hiện các dịch vụ thông qua hệ thống điện thoại di động. Huyện Cư Kuin cũng đã chỉ đạo trong việc thực hiện chế độ công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công tác, trên cơ sở các hoạt động của cải cách hành chính thì nhiệm vụ nền tảng là hướng tới chính quyền điện tử, chính phủ số, để thực hiện tốt việc này đó là công tác chuyển đổi số".

Trong thời gian qua, Công tác cải cách hành chính tỉnh Đắk Lắk được triển khai toàn diện trên 06 nội dung của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ. Tỉnh đã có nhiều đổi mới trong chỉ đạo, điều hành để nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Đặc biệt là việc đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4. Trong năm 2022, tỉnh Đắk Lắk đã tăng 32 bậc về chỉ số hài lòng của người dân, xếp thứ 27 trong cả nước.

Để công tác cải cách hành chính đạt được hiệu quả tích cực trong thời gian tới, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk Nguyễn Tuấn Hà cho biết: “Đội ngũ công chức, nhất là người đứng đầu cần năng động sáng tạo, giải quyết quyết liệt công việc. Thứ hai, thành viên Ban Chỉ đạo tăng cường thanh tra kiểm tra công tác cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính, chấp hành kỷ luật kỷ cương, xử lý khắc phục tồn tại, hạn chế. Thứ ba, tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong việc giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ”.

Với việc triển khai đồng bộ các giải pháp, cùng những cách làm sáng tạo, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã có bước cải thiện đáng kể; qua đó tạo thuận lợi, mang lại sự hài lòng cho tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nguồn: vov.vn

BÌNH ĐỊNH: ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO QUẢN LÝ

Tỉnh Bình Định tập trung quyết liệt nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính; đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước.

Bí thư Tỉnh ủy Bình Định Hồ Quốc Dũng cho biết như vậy tại hội nghị Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định ngày 19/9.

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Lê Kim Toàn cho hay, trong nửa nhiệm kỳ qua, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức song Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Bình Định đã đoàn kết, nỗ lực triển khai, quán triệt, cụ thể hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

Đến nay, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Các hoạt động văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được đặc biệt quan tâm...

Các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Trong nửa nhiệm kỳ qua, toàn Đảng bộ tỉnh đã kết nạp 5.767 đảng viên...

100% sở, ngành đã thực hiện cơ chế một cửa

Theo ông Lê Kim Toàn, nửa nhiệm kỳ qua, công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính cũng được các cấp, ngành đẩy mạnh. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp tiếp tục thực hiện công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính; rà soát, cắt bỏ, loại bỏ những thủ tục hành chính bất hợp lý, gây phiền hà cho tổ chức và công dân; nâng cao chất lượng cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại một số cơ quan.

Đến nay, 100% sở, ngành và tương đương cấp tỉnh và 11/11 huyện, thành phố, thị xã đã thực hiện cơ chế một cửa.

Việc cải thiện, nâng cao các chỉ số được tỉnh Bình Định tiếp tục được chú trọng. Theo thống kê, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của tỉnh Bình Định xếp thứ 21, thuộc nhóm 30 địa phương có chất lượng điều hành tốt nhất; Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 xếp vị thứ 33/63; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2022 xếp vị thứ 21/63; Chỉ số hiệu quả chính trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022 xếp thứ 38/63 tỉnh thành phố.

Đẩy mạnh công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

Tại hội nghị, các đại biểu đã thảo luận, đóng góp ý kiến, thống nhất một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu từ nay đến cuối nhiệm kỳ, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XX Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Đồng thời, đề xuất tỉnh cần tổ chức nhiều đoàn công tác đi xúc tiến, quảng bá, kêu gọi đầu tư.

Ngoài ra, tỉnh Bình Định cũng cần có chủ trương cho các sở, ban, ngành rà soát lại, phân cấp, phân quyền cho các cấp ủy, chính quyền địa phương để tạo động lực cho địa phương phát triển. Các dự án du lịch cần được phát huy hơn nữa các giá trị. Đồng thời, tăng cường hơn nữa việc thực hiện chuyển đổi số.

Bí thư Thị ủy An Nhơn Mai Việt Trung nhìn nhận, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu, muốn làm tốt phải có giải pháp triển khai hiệu quả. Bản thân mong muốn khi du khách đến An Nhơn sẽ được giới thiệu toàn bộ điều kiện tự nhiên, danh lam thắng cảnh trên không gian mạng. Người dân tương tác được với chính quyền địa phương mà không cần phải hỏi ai cả...”

“Khi tất cả các thủ tục hành chính chuyển đổi, thậm chí thông tin bán nhà chỉ cần dùng điện thoại thông minh, sử dụng app là có thông tin chính xác để người dân và chính quyền gần nhau. Do đó, các ban ngành cần đẩy nhanh việc xây dựng dữ liệu dùng chung, trên cơ sở đó tập hợp dữ liệu làm cơ sở thực hiện”, ông Mai Việt Trung đề xuất.

Phát biểu tại hội nghị, Bí thư Tỉnh ủy Bình Định Hồ Quốc Dũng cho biết, từ nay đến cuối nhiệm kỳ, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, dự báo tỉnh vẫn còn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những ảnh hưởng bất lợi tình hình kinh tế - chính trị thế giới đi kèm với biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt...

Ông Hồ Quốc Dũng yêu cầu các cấp, ngành cần tiếp tục chỉ đạo triển khai quyết liệt, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương, của tỉnh; tập trung khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra gắn với tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trên tất cả các lĩnh vực.

Ông Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh: "Ngay sau hội nghị này, tôi đề nghị các cấp, các ngành, các địa phương cần chủ động rà soát lại các nhiệm vụ, chỉ tiêu còn lại trong Nghị quyết Đại hội các cấp, có giải pháp cụ thể, hiệu quả để tháo gỡ, thúc đẩy những lĩnh vực còn khó khăn, những chỉ tiêu đạt thấp, phấn đấu đạt kết quả cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra".

Theo ông Dũng, Bình Định cần tập trung quyết liệt nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính; kiên quyết xử lý, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy công việc làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung; đồng thời đẩy mạnh công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước.

“Từng cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu cần tiếp tục đổi mới phương pháp lãnh đạo, cải tiến lề lối làm việc, đề cao tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm; chú trọng kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện; tăng cường phối hợp, cộng đồng trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ chung”, Bí thư Tỉnh ủy Bình Định nhấn mạnh.

Nguồn: vietnam.net.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH, HUYỆN

Chiều ngày 21/9, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Lê Ngọc Khánh chủ trì cuộc họp, góp ý dự thảo kế hoạch triển khai và ban hành Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương (DDCI) của tỉnh năm 2023.

Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh năm 2023 được xây dựng nhằm đánh giá mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa chính quyền các huyện, thị xã, thành phố và sở, ban, ngành; tạo động lực cải cách hành chính mạnh mẽ và môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp...

Đây cũng là cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh những năm tiếp theo, chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Các đối tượng được khảo sát được chia làm 2 nhóm, gồm 25 sở, ban, ngành và 8 huyện, thị xã, thành phố. Các chỉ số thành phần và chỉ tiêu đánh giá dự kiến gồm: tính minh bạch và tiếp cận thông tin, tính năng động và tiên phong, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, vai trò người đứng đầu, ứng dụng công nghệ thông tin và thiết chế pháp lý.

Nhóm huyện, thị xã, thành phố có thêm chỉ số khả năng tiếp cận đất đai và cơ sở hạ tầng.

Sau khi có kết quả khảo sát và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thẩm định, kết quả Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh sẽ được công bố, qua đó, tiếp nhận phản hồi từ cộng đồng doanh nghiệp, ý kiến đóng góp và tham vấn các giải pháp thiết thực để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại cuộc họp, ông Lê Ngọc Khánh yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Vũng Tàu, đơn vị tư vấn tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến đóng góp để xây dựng được bộ tiêu chí bảo đảm phù hợp, thiết thực, khi đưa vào đánh giá thể hiện đúng, rõ năng lực cạnh tranh.

* Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Người dân hài lòng với Ngày không hẹn

'Ngày thứ Năm không hẹn' là mô hình cải cách hành chính của một số xã trên địa bàn huyện Long Điền. Mô hình giúp người dân giảm thời gian đi lại trong giải quyết thủ tục hành chính.

Nhanh chóng, hiệu quả

Chiều thứ Tư, 13/8, anh Nguyễn Thành Khang, ấp An Hạnh, xã An Ngãi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã để công chứng một số giấy tờ nhằm hoàn thiện hồ sơ xin việc. Chỉ 5 phút sau, thủ tục của anh đã được cán bộ công chứng xử lý xong. “Tôi rất bất ngờ, thủ tục

nhanh gọn. Lúc đầu tôi nghĩ mất 2-3 ngày mới xong, ai dè nhanh quá. Tôi có thể đi nộp hồ sơ xin việc liền, thay vì đợi tới đầu tuần”, anh Khang phấn khởi chia sẻ.

Tương tự, bà Trương Kim Lan, ở ấp An Thạnh đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã để xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Sau khi điền đầy đủ thông tin vào tờ khai, chỉ 15 phút sau là bà Lan đã nhận được giấy xác nhận, trong khi theo quy định, thủ tục này có thời gian giải quyết 3 ngày. “Việc xử lý hồ sơ nhanh chóng rất thuận lợi cho người dân. Trước đây tôi từng xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và phải mất 1 buổi hoặc 1 ngày mới có kết quả, còn hôm nay chỉ 15 phút”, bà Lan nói.

Tại xã Tam Phước, mô hình “Ngày thứ Năm không hẹn” cũng mang đến sự hài lòng cho người dân làm thủ tục hành chính. Đến đăng ký lại khai sinh cho con vào đúng ngày thứ Năm, sau khi điền đầy đủ thông tin, ông Trần Thanh Dương, ấp Phước Nghĩa đã nhận được kết quả sau 15 phút. “So với những năm trước thì thủ tục được giải quyết nhanh lẹ hơn, phục vụ nhân dân tốt hơn. Cùng thời điểm tôi đến làm thủ tục, cũng có một số người dân làm các thủ tục hành chính khác, nhưng không ai phải đợi quá 30 phút. Cán bộ văn phòng một cửa cũng vui vẻ, thân thiện, nhiệt tình và chu đáo”, ông Dương nhận xét.

8 tháng đầu năm, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Long Điền đã tiếp nhận 4.742 hồ sơ. Trong đó, đã giải quyết 4.344 hồ sơ, chiếm 91,61 (98,99% hồ sơ đúng hạn, trước hạn), không có hồ sơ quá hạn. Cấp xã tiếp nhận 11.411 hồ sơ. Trong đó, đã giải quyết 11.392 hồ sơ (99,79% hồ sơ đúng hạn, trước hạn).

Để các ngày trong tuần đều là “Ngày không hẹn”

Mô hình “Ngày không hẹn” của xã An Ngãi duy trì vào các ngày thứ Tư, Năm, Sáu hằng tuần. Người dân đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, nếu đầy đủ giấy tờ thì được xử lý trong khoảng thời gian dưới 30 phút trở lại, mà không phải hẹn trả kết quả như trước.

Từ tháng 6/2019 đến nay, xã An Ngãi đã thực hiện gần 2.200 hồ sơ theo mô hình “Ngày không hẹn”. Mô hình này không chỉ góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, tạo thuận lợi cho người dân, mà còn góp phần nâng cao điểm số cải cách hành chính của địa phương. Năm 2022, Chỉ số cải cách hành chính của xã An Ngãi đứng thứ 19 trong bảng xếp hạng cải cách hành chính đối với nhóm xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh, tăng 20 bậc so với năm 2019. Cùng với mô hình “Ngày không hẹn”, bộ phận và trả kết quả xã An Ngãi, cũng đang triển khai mô hình “3 Không - 4 Biết”: “Không trễ hẹn, không gây phiền hà, không bổ sung hồ sơ quá 1 lần” và “Biết chào hỏi, biết mỉm cười, biết cảm ơn, biết xin lỗi”; mô hình “3 tại nhà”. Qua đó, rút ngắn 40% thời gian giải quyết cho 70/149 thủ tục hành chính.

Tại xã Tam Phước, “Ngày thứ Năm không hẹn” được Ủy ban nhân dân xã triển khai từ tháng 9/2022. Vào thứ Năm hằng tuần, người dân đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã thực hiện một số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch sẽ được xử lý, giải quyết trong ngày, thậm chí trong một buổi.

Qua 1 năm triển khai thực hiện mô hình “Ngày thứ Năm không hẹn”, Ủy ban nhân dân xã Tam Phước đã tiếp nhận và trả kết quả sớm hơn quy định cho 517 thủ tục hành chính, qua đó nâng cao sự hài lòng của người dân với bộ máy hành chính công. Mô hình này được đánh giá sẽ góp phần giúp Ủy ban nhân dân xã Tam Phước tiếp tục giữ vững ngôi vị “quán quân” về Chỉ số cải cách hành chính ở nhóm Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn của tỉnh đã được địa phương duy trì từ năm 2020 đến nay.

Theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Long Điền Trần Thanh Hồng: “Thời gian tới, xã Tam Phước sẽ tiếp tục khảo sát, rà soát để các ngày trong tuần đều là “Ngày không hẹn” đối với một số thủ tục hành chính”.

Trưởng phòng Phòng Nội vụ huyện Long Điền Mã Lê Phương Thảo nhận xét, việc thực hiện mô hình “Ngày không hẹn”, “Ngày thứ Năm không hẹn” thể hiện sự quan tâm, chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân các xã và sự phối hợp nhịp nhàng của các ban, ngành, đoàn thể.

Từ khi triển khai mô hình, tất cả các hồ sơ trên đều được người dân đánh giá cao và rất hài lòng qua công tác phục vụ, hướng dẫn, giải quyết, trả kết quả nhanh. Không chỉ giúp người dân giảm thiểu thời gian đi lại, mô hình này còn nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả, từ đó nâng cao chất lượng công tác giải quyết các thủ tục hành chính, giảm thời gian chờ đợi, tạo sự hài lòng cho các tổ chức, cá nhân khi làm các thủ tục hành chính. Góp phần giúp cho các địa phương đạt được những chỉ tiêu cơ bản trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Nguồn: baobariavungtau.com.vn

LONG AN: CÁC CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NGÀY Càng ĐẸP

Với nỗ lực cải cách hành chính, minh bạch hóa đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư, tỉnh Long An đang đạt kết quả đáng tự hào trong thu hút đầu tư...

Theo thông báo kết quả công khai Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp do Văn phòng Chính phủ công khai vừa trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong tháng 8, tỉnh Long An tăng 10 hạng so với tháng 7 năm 2023.

Theo đó, tỉnh Long An đạt 64,2/100 điểm, xếp hạng 15/63 tỉnh, thành phố. Điểm số các chỉ số thành phần như sau: (1) Nhóm chỉ số công khai minh bạch đạt 9,5/18 điểm (tăng 2,2 điểm so với tháng 7); (2) Nhóm chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết đạt 16,7/20 điểm (tăng 0,3 điểm so với tháng 7)... Ngoài ra, các nhóm chỉ số khác cũng có sự tăng trưởng rất tích cực.

Kết quả đánh giá được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh (Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh); Cổng thông tin điện tử của Bộ, ngành, địa phương phục vụ chỉ đạo, điều hành, đánh giá kết quả cải

cách thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị; theo dõi, giám sát, đánh giá của cá nhân, tổ chức và nâng cao chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Cũng liên quan đến cải cách hành chính, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ đã công bố, tỉnh Long An xếp hạng 8/63 tỉnh (năm 2022), thành phố trực thuộc Trung ương về Chỉ số cải cách hành chính với 87,42 điểm, tăng 14 hạng so với năm 2021 (87,20 điểm, hạng 22).

Tỉnh Quảng Ninh tiếp tục ở vị trí dẫn đầu về cải cách hành chính với 90,1 điểm; tiếp đó là TP. Hải Phòng, TP. Hà Nội và tỉnh Bắc Giang. Đặc biệt, năm 2022, tỉnh Long An nỗ lực vươn lên vị trí dẫn đầu về cải cách hành chính các tỉnh, thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; tiếp đó là các tỉnh Hậu Giang và Đồng Tháp.

Thông tin từ Sở Nội vụ tỉnh Long An, đề quyết tâm giữ vững vị trí trong top 10 về Chỉ số cải cách hành chính 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2022. Qua đó, tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế để cải thiện và nâng cao điểm số xác định Chỉ số cải cách hành chính trên tất cả lĩnh vực theo Bộ Chỉ số do Bộ Nội vụ ban hành.

Đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An yêu cầu phải phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; tăng cường sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân trong quá trình triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính; tập trung cải cách thủ tục hành chính, thực hiện tốt cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông"; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng trả hồ sơ bổ sung nhiều lần gây phiền hà cho người dân, tổ chức, tình trạng thành phần hồ sơ, thu phí, lệ phí không đúng quy định...

Với nỗ lực cải cách hành chính, minh bạch hóa đồng thời thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư, các chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được cải thiện và tăng dần qua từng năm.

Tỉnh Long An đặt mục tiêu duy trì vị trí của tỉnh trong top đầu trên bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cả nước một cách bền vững hơn, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã ban hành Kế hoạch Tiếp tục cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023.

Mục tiêu tỉnh Long An đặt ra là phấn đấu điểm số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 đạt 70,5 điểm (tăng 2,06 điểm so với năm 2022); các chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm sau không giảm điểm, giảm hạng so với năm trước. Phấn đấu điểm số PCI năm 2023 của tỉnh xếp trong nhóm các tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế “rất tốt” trên cả nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Long An yêu cầu thủ trưởng các sở, ngành trong tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đổi mới tư duy, tích cực nghiên cứu, nắm vững nội dung các chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chủ động đề ra giải pháp thiết thực và phù hợp với tình hình thực tế nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại đơn vị, địa phương mình, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của cả tỉnh.

Nỗ lực cải cách của Long An đã đem tới nhiều “quả ngọt”. Số liệu mới nhất của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An cho thấy, 8 tháng đầu năm, tỉnh Long An đã thu hút được

80 dự án đầu tư mới vào các khu công nghiệp trên địa bàn, trong đó có 50 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng vốn đầu tư cấp mới hơn 447 triệu USD và 30 dự án trong nước, với tổng vốn đầu tư cấp mới hơn 20.221 tỷ đồng.

Ngoài ra, tỉnh Long An cũng ghi nhận 50 dự án điều chỉnh vốn, gồm 41 dự án FDI điều chỉnh với tổng vốn điều chỉnh tăng hơn 77 triệu USD và 9 dự án trong nước điều chỉnh với tổng vốn điều chỉnh tăng hơn 305 tỷ đồng. Số dự án tăng 33%, số vốn thu hút đầu tư FDI tăng 52%, vốn trong nước tăng 64% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế đến nay, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An đã thu hút được 1.822 dự án đầu tư, trong đó có 886 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 6,2 tỷ USD và 936 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký gần 136.198 tỷ đồng.

Nguồn: vneconomy.vn

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP HIỆN NAY

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã đề ra mục tiêu tổng quát là đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao. Đồng thời, giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải và trùng lặp; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức. Giảm mạnh tỷ trọng, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại ngân sách nhà nước, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập cho viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập. Phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công.

Những nội dung cơ bản của phát triển đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Phát triển đội ngũ viên chức được hiểu là quá trình tăng lên về số lượng và chất lượng đội ngũ viên chức để đáp ứng yêu cầu đòi hỏi, yêu cầu của xã hội đối với các sản phẩm do đội ngũ viên chức tạo ra. Trong đó, phát triển về số lượng nhằm mục đích bổ sung, thay thế đội ngũ viên chức; phát triển về chất lượng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức, thái độ và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của viên chức. Phát triển đội ngũ viên chức là quá trình các cơ quan có thẩm quyền tạo lập và sử dụng năng lực của đội ngũ viên chức bao gồm các hoạt động: thu hút, tuyển dụng, sử dụng, tạo động lực... để nâng cao năng lực của đội ngũ viên chức về các mặt nhằm mục đích bảo đảm chất lượng phục vụ người dân và xã hội.

Thứ nhất, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Đây là một khâu trong quy trình phát triển viên chức, gồm các cơ chế, chính sách tạo sức hấp dẫn nhằm kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt (cả điều kiện vật chất và tinh thần) để có được đội ngũ viên chức có năng lực, trình độ cao và phẩm chất tốt vào làm việc cho đơn vị sự nghiệp công lập. Thu hút nhân lực luôn kết hợp chặt chẽ với việc bồi dưỡng, thăng tiến, đãi ngộ người có năng lực, phẩm chất ưu tú, vượt trội từ nguồn nội bộ hoặc nguồn từ bên ngoài vào làm việc cho đơn vị. Đối với nguồn nội bộ, việc thu hút được thực hiện từ tập thể lãnh đạo và người đứng đầu đơn vị thông qua công tác đánh giá viên chức hàng năm, trên cơ sở kết quả, hiệu quả công tác, tinh thần, thái độ làm việc...

Đối với nguồn từ bên ngoài, việc thu hút có thể lấy từ các nguồn nhân lực chất lượng cao như sinh viên mới tốt nghiệp ra trường đạt loại giỏi, thủ khoa, ứng viên đạt điểm cao nhất trong các kỳ thi tuyển dụng; sinh viên tốt nghiệp các trường đại học danh tiếng trên thế giới; hoặc người lao động ở doanh nghiệp nhà nước, khu vực tư, lực lượng vũ trang ... Đây là nguồn

nhân lực có trình độ, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn - những yếu tố rất cần thiết và quan trọng cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học công nghệ,... Có nhiều biện pháp để thu hút được nhân lực chất lượng cao vào làm việc cho các đơn vị sự nghiệp, nhưng quan trọng nhất là phải công khai, minh bạch cho mọi người biết chủ trương, chính sách của đơn vị về thu hút, tuyển dụng người có tài năng vào làm việc, gồm những thông tin như: vị trí, sự hình thành và phát triển của tổ chức; chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ và định hướng phát triển trong tương lai của tổ chức; yêu cầu đối với công việc, những đòi hỏi đặt ra đối với người dự tuyển (bằng cấp, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, hình thức...); các chính sách phát triển nhân sự của đơn vị cần tuyển dụng như bồi dưỡng, thăng tiến, tiền lương và các chế độ khác...

Thứ hai, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức. Đây là một trong những hoạt động quan trọng, là hình thức đầu tư cho phát triển con người. Khi được tuyển dụng, viên chức sẽ được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng làm việc. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đào tạo, bồi dưỡng viên chức sẽ đảm bảo cho nguồn nhân lực của đơn vị có thể thích ứng và theo sát sự tiến bộ và phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ, đảm bảo cho đơn vị có được đội ngũ viên chức giỏi chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, sử dụng và bố trí viên chức. Đó là sự sắp xếp và giao cho viên chức những công việc, chức vụ xứng đáng và phù hợp với năng lực và sở trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để viên chức phát huy khả năng để hoàn thành nhiệm vụ được giao và được đãi ngộ xứng đáng với sự đóng góp của họ. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác phát hiện, sử dụng, và bố trí nhân tài. Người nhấn mạnh: “Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cất làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy. Biết dùng người như vậy, ta sẽ không lo gì thiếu cán bộ”(1), và “Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”(2). Nếu không trọng dụng họ sẽ dẫn đến sự lãng phí và lãng phí tài năng, là sự lãng phí lớn nhất của mỗi đất nước.

Việc trọng dụng viên chức thể hiện qua những nội dung cơ bản sau:

Một là, tuân thủ nguyên tắc giao đúng người, đúng việc, đúng sở trường: căn cứ vào những điểm mạnh về tố chất nhân cách, sở trường tài năng của họ mà bố trí, bổ nhiệm chức trách phù hợp để vừa phát huy được tối đa tài năng của người tài, vừa giúp người tài tiếp tục phát triển và cống hiến. Phải chú ý đến những khác biệt về khuynh hướng tài năng, về mức độ trí lực, về nhân cách đạo đức, về tố chất thể lực... của viên chức để có thể bố trí, sử dụng hợp lý.

Hai là, phải luôn ủng hộ và tin cậy viên chức có năng lực: muốn trọng dụng được nguồn nhân lực chất lượng cao, trước hết phải tin cậy người tài, giao cho họ những công việc, chức trách phù hợp, tạo cơ hội cho họ phát huy và bộc lộ tài năng; xây dựng môi trường làm việc dân chủ, công khai, minh bạch; dành cho người tài có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhất định trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Người đứng đầu đơn vị phải ủng hộ và tin dùng, trao trách nhiệm tương xứng cho viên chức có năng lực thực sự vượt trội và nổi bật.

Do đó, muốn phát triển viên chức, các cơ quan quản lý và đơn vị sự nghiệp công lập không nên chỉ chú trọng đến kiến thức, kỹ năng và năng lực của cá nhân, mà còn cần chú ý đến việc tạo động lực, điều hòa các nhu cầu, các giá trị hòa hợp giữa cá nhân và văn hóa của tổ chức. Môi trường làm việc thân thiện có khả năng kích thích tính sáng tạo, sự đam mê, năng lực và thiên hướng cá nhân của viên chức. Môi trường làm việc phải đảm bảo dân chủ, tôn trọng sự sáng tạo vì đặc thù các công việc chuyên môn của viên chức như giáo dục, y tế hay khoa học công nghệ... thường có nhiều sáng kiến thiết thực, do đó việc phủ định một phần hoặc toàn bộ cái đang có sẽ dễ gây ra tâm lý chán nản, không mạnh dạn đề xuất các ý tưởng cá nhân, có lợi cho tổ chức.

Đề đãi ngộ viên chức có tài năng, cần xem xét, đánh giá chính xác, khách quan đối với những người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong đó, việc trả lương tương xứng là khâu quan trọng trong việc tạo động lực thực hiện công việc. Chế độ tiền lương đối với viên chức phải được định giá đúng, giải quyết tốt các lợi ích ngoài lương như trợ cấp, lương hưu, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản phúc lợi khác... để họ có thể toàn tâm, toàn ý phục vụ tổ chức. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Cải cách chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi của giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả”(3). Đồng thời, cần có các hình thức khen thưởng và tôn vinh viên chức làm việc hiệu quả như danh hiệu vinh dự nhà nước; đề cao vị trí của viên chức trong đơn vị; dành cho viên chức cơ hội phát triển sự nghiệp...

Trong thực tiễn, việc phát triển đội ngũ viên chức trên các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế... sẽ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tạo lập hệ thống tổ chức cung ứng dịch vụ công chuyên nghiệp. Do đó, phát triển đội ngũ viên chức là một trong những nhiệm vụ quan trọng để thực hiện cung ứng dịch vụ công có chất lượng và hiệu quả. Những năm qua, cơ chế quản lý đội ngũ viên chức được thực hiện giống như đối với cán bộ, công chức, chưa tính đến những đặc điểm và tính chất hoạt động nghề nghiệp đặc thù của viên chức, làm hạn chế chất lượng của đội ngũ viên chức và không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi vai trò của Nhà nước từ quản lý sang phục vụ trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức phù hợp với yêu cầu hiện nay, gắn với tính chất và đặc điểm hoạt động nghề nghiệp, cần thiết tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý viên chức, cụ thể là những chính sách về đào tạo, bồi dưỡng; tiền lương và đãi ngộ; chính sách tuyển dụng, sử dụng; về thu hút trọng dụng nhân tài; chính sách tạo động lực...

Phát triển đội ngũ viên chức hướng tới các mục tiêu, yêu cầu về chất lượng, số lượng đội ngũ viên chức sẽ tạo điều kiện cho đội ngũ viên chức phát triển đúng hướng, với những yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Từ đó, tạo động lực cho những người có trình độ cao có điều kiện cống hiến và phát huy trình độ chuyên môn, năng lực của mình. Việc đào tạo theo quy mô, cơ cấu phù hợp theo định hướng chính sách của Nhà nước sẽ giúp họ có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo; khắc phục tình trạng lãng phí chất xám như hiện nay. Ngoài ra, các nội dung liên quan như: thu hút, sử dụng, tạo động lực... giúp cho đội ngũ viên chức yên tâm

công tác và phục vụ lâu dài cho cơ quan, tổ chức. Phát triển đội ngũ viên chức nếu đáp ứng tốt về yêu cầu vật chất và tinh thần sẽ góp phần quan trọng khơi dậy tiềm năng vốn có của đội ngũ viên chức, nâng cao sự đóng góp của đội ngũ viên chức vào quá trình thực hiện hiện đại hóa nền hành chính.

Hoạt động phát triển đội ngũ viên chức sẽ góp phần nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công phục vụ người dân một cách khoa học, hiệu quả nhất. Đặc biệt, nếu khai thác, phát huy bằng cách đề ra các cơ chế, chính sách đúng đắn thì khối lượng tri thức của viên chức sẽ càng tăng, cống hiến càng lớn, năng suất lao động càng tăng và hiệu quả sẽ càng cao; ngược lại với việc khai thác các nguồn lực khác sẽ chỉ càng làm cạn kiệt và giảm giá trị nguồn lực. Việc phát triển đội ngũ viên chức (về mặt chất lượng) sẽ tập hợp được những người có trình độ, năng lực phù hợp với yêu cầu, đồng thời giúp cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay.

Giải pháp phát triển đội ngũ viên chức trong thời gian tới

Một là, cần làm tốt công tác tư tưởng để động viên đội ngũ viên chức làm việc ở những vị trí có cường độ lao động cao, áp lực lớn yên tâm công tác; đồng thời có biện pháp tổ chức lao động khoa học để bảo đảm sức khỏe thể chất và tinh thần cho họ; đồng thời cải thiện hơn nữa môi trường làm việc, tạo điều kiện cho viên chức yên tâm công tác.

Hai là, ưu tiên quan tâm trợ giúp, hỗ trợ kịp thời về điều kiện vật chất đối với những viên chức có hoàn cảnh khó khăn, trước hết là các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh COVID-19. Ngoài các chính sách, chế độ tiền lương chung của Nhà nước đối với viên chức, các địa phương cần có thêm chính sách hỗ trợ kịp thời và phù hợp để giúp viên chức vượt qua giai đoạn khó khăn.

Ba là, tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giản biên chế gắn cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ gắn với cải cách chính sách tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi cho viên chức. Tập trung đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu để vừa bảo đảm giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công cho người dân; vừa chú trọng đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tạo điều kiện để cải thiện thu nhập cho đội ngũ viên chức, nhất là viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục, đào tạo và ngành y tế.

Bốn là, rà soát hệ thống thể chế, chính sách để điều chỉnh, bổ sung, đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí viên chức; sớm xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Năm là, xây dựng đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý thực sự có phẩm chất, trình độ, năng lực và uy tín để tạo niềm tin cho viên chức yên tâm làm việc; sớm hoàn thiện cơ chế khuyến khích viên chức đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Sáu là, xây dựng môi trường làm việc năng động, công bằng, dân chủ, thân thiện, đoàn kết, chuyên nghiệp, hiện đại và có cơ chế tạo động lực để viên chức thể hiện năng lực, trách nhiệm, tận tụy, tâm huyết với công việc; đồng thời làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng để đội ngũ viên chức yên tâm công tác; xây dựng hình ảnh, danh dự và uy tín xã hội của đơn vị sự nghiệp công lập.

Bùi Thị Thu Hương, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2011, tr.43.

(2) Sđd, tập 5, tr.313.

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2021, tr.149.

ĐỘT PHÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cần tiếp tục cải cách mạnh mẽ, đột phá thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, khôi phục, củng cố niềm tin, tạo luồng sinh khí mới cho môi trường kinh doanh. Đây là yêu cầu mang tính tối thượng, bắt buộc. Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đã nhấn mạnh điều này trong bài phát biểu bế mạc Diễn đàn Kinh tế - Xã hội 2023.

Thực tế cho thấy, môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi sẽ tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển ổn định, sẽ là một lực hút hấp dẫn đối với các nhà đầu tư để gia nhập thị trường. Qua đó, sẽ tạo nhiều việc làm cho người lao động, góp phần ổn định kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp cũng như năng lực cạnh tranh quốc gia. Và ở chiều ngược lại, môi trường kinh doanh thiếu minh bạch, thiếu sự cạnh tranh bình đẳng khiến doanh nghiệp khó phát huy được năng lực nội tại của mình.

Nhìn vào thực tại, trước những bất ổn của tình hình kinh tế - chính trị toàn cầu, từ đầu năm 2023 đến nay, nền kinh tế nói chung, doanh nghiệp Việt Nam nói riêng đứng trước những thách thức lớn. Trong 8 tháng năm nay, tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và tái gia nhập thị trường vẫn giảm nhẹ khoảng 0,03% so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, doanh nghiệp ra khỏi hoặc tạm thời rời thị trường tăng đến 15,6% so với 8 tháng năm 2022. Với sự gia tăng số doanh nghiệp rời thị trường thời gian gần đây cho thấy, “sức khỏe” của doanh nghiệp đang ở trong tình trạng báo động. Nếu không có giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn tình trạng này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế, đến an sinh xã hội, mà trực tiếp là cuộc sống của người lao động.

Có rất nhiều nguyên nhân khiến doanh nghiệp hoạt động khó khăn thời gian qua. Trong đó, có việc tiếp cận các nguồn lực sản xuất kinh doanh cơ bản chưa thực sự thuận lợi; chi phí sản xuất kinh doanh cao. Đây chính là một trong những lực cản làm giảm tính cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt là khả năng thu hút vốn đầu tư. Ngoài ra, một trong những rào cản cũng được nhắc đến nhiều thời gian qua, đó là không ít quy định pháp luật thiếu tính ổn định lâu dài gây khó cho doanh nghiệp. Đáng nói là tình trạng “lạm dụng ban hành thông tư, ban hành Quy chuẩn kỹ thuật” đã vô hình trung trở thành những “giấy phép con”, làm gia tăng chi phí đối với doanh nghiệp.

Trước những thách thức, các doanh nghiệp chân chính đã rất nỗ lực “vượt cơn gió ngược”. Tuy nhiên, trong nỗ lực vượt khó, doanh nghiệp bị kéo chậm lại bởi không ít các rào cản thủ tục hành chính, một số chính sách thiếu tính chiến lược bền vững. Nếu việc ban hành chính sách chỉ nhằm điều chỉnh trong ngắn hạn, thiếu định hướng dài hạn, chỉ quan tâm đến thuận cho công tác quản lý thì sẽ không tạo được môi trường kinh doanh thông thoáng, không tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển.

Để phát huy được nội lực, ngoài sự nỗ lực tự thân, rất cần những cải cách hành chính để tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Muốn vậy, cần tập trung nguồn lực, sửa

đổi, bổ sung các luật để khai thác tốt hơn các cơ hội cho doanh nghiệp, tạo động lực tăng trưởng mới, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế theo hướng số hóa, xanh hóa, đổi mới sáng tạo. Cần tiếp tục cải cách mạnh mẽ, đột phá thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn cho doanh nghiệp. Đặc biệt, cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Điều này đòi hỏi đáp ứng hai yêu cầu về công tác quản lý và tạo sự thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

Cùng với đó, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định về thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh ngay trong quá trình dự thảo văn bản, bảo đảm chỉ ban hành các quy định cần thiết, hợp pháp và chi phí tuân thủ thấp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cải cách thủ tục hành chính để công khai, minh bạch quy trình, thủ tục và giải quyết thủ tục hành chính. Đặc biệt, gắn trách nhiệm của người đứng đầu các cấp trong triển khai cải cách thủ tục hành chính. Kết quả thực hiện công tác này là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại hàng năm đối với người đứng đầu và cán bộ, công chức của bộ, cơ quan, các cấp chính quyền địa phương.

Sự hài lòng của người dân, của doanh nghiệp là thước đo chính xác nhất về hiệu ứng của thủ tục hành chính đi vào cuộc sống tốt hay không.

Nguồn: daibieunhandan.vn

LÀM THẾ NÀO ĐỂ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN HẤP DẪN NGƯỜI DÙNG?

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến được xem là khâu quan trọng, then chốt trong tiến trình cải cách hành chính và triển khai chính phủ điện tử...

Nhận diện "điểm nghẽn"

Cổng dịch vụ công trực tuyến được xây dựng với kỳ vọng rút ngắn thời gian, công sức và chi phí thực hiện các thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trên thực tế, hiệu quả của Cổng dịch vụ công trực tuyến tại một số nơi, một số thời điểm đạt chưa cao, người dân vẫn phải đi lại nhiều lần; cán bộ cơ sở phải chịu áp lực rất lớn trong việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường số...

Theo Tiến sỹ Bùi Phương Đình, Viện trưởng Viện Xã hội học và Phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Chiến lược Chuyển đổi số quốc gia đang trong giai đoạn tăng tốc. Đó là một trong những bước đột phá mà tỉnh, thành phố nào tận dụng được sẽ tạo lợi thế cho sự phát triển trung và dài hạn.

Đối với chuyển đổi số thì phải nói đến dịch vụ hành chính công một cửa trên môi trường mạng. Người dân đến trung tâm hành chính công để giải quyết các thủ tục từ đơn giản đến phức tạp. Vì vậy, phải nhìn lại cổng thông tin điện tử của địa phương đã xuất hiện những thông tin mà người dân cần khi họ truy cập vào hay chưa, những thông tin này có được sắp xếp ở vị trí ưu tiên không?

Một khái niệm quan trọng trong sử dụng các tiện ích trên môi trường mạng là mức độ thân thiện với người dùng. Cần xem lại thứ tự, cách thức và thao tác thực hiện thủ tục hành chính công trên cổng dịch vụ công trực tuyến có đơn giản, thuận tiện không? Người dân chỉ cần qua vài lần thao tác trở nên thành thục hay vẫn phải lo lắng và làm lại nhiều lần?... Nếu điều này còn diễn ra thì chưa thân thiện và chưa đủ sức hấp dẫn người sử dụng. Do đó, mức độ truy cập và sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến sẽ đi xuống.

Một điểm nữa liên quan đến trình độ dân trí, thói quen và mức độ sử dụng thiết bị thông minh của người dân. Theo tiến sỹ Bùi Phương Đình, có cả sức ỳ về mặt tâm lý vì khi người dân sử dụng một lần, hai lần mà không giải quyết được vấn đề thì sẽ không muốn quay lại nữa, khiến tỷ lệ quay lại sử dụng thấp.

Đội ngũ cán bộ ở cơ sở gần dân, sát dân nhất và là nơi hiểu, nắm bắt nhu cầu của người dân nhất, nhưng thực tế có nơi đang thiếu nguồn lực, năng lực và tâm nguyện phục vụ người dân. Như vậy, đội ngũ cán bộ cấp cơ sở cần được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng liên quan đến chuyển đổi số quốc gia một cách thực chất và hiệu quả.

Ví dụ cụ thể tại tỉnh Ninh Thuận. Theo Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận, hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1.127 dịch vụ công trực tuyến, trong đó 425 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 702 dịch vụ công trực tuyến một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ; kết nối liên thông thủ tục hành chính với Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, hoàn thành việc kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư theo Đề án 06.

Năm 2022, toàn tỉnh Ninh Thuận tiếp nhận và cập nhật 199.366 hồ sơ trên Cổng dịch vụ công tỉnh, trong đó có 61.058 hồ sơ trực tuyến, đạt 30,63%; đã xử lý và trả kết quả 197.780 hồ sơ, đúng và trước hạn đạt 99,37%; đồng bộ trạng thái 181.237/199.366 hồ sơ, đạt 90,91%.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến của tỉnh còn một số hạn chế, chưa đạt được như kỳ vọng. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ trực tuyến chưa cao, người dân và doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều về thực hiện dịch vụ công toàn trình.

Nguyên nhân chủ yếu là do một số sở, ban, ngành, địa phương chưa thực sự quyết tâm, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền, triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến; một bộ phận cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của dịch vụ công trực tuyến; việc số hóa hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu, nhất là các cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn nhiều khó khăn, vướng mắc do thiếu nguồn lực để triển khai thực hiện...

Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến

Theo Tiến sỹ Bùi Phương Đình, ở cấp tỉnh có khoảng 2.000 thủ tục hành chính công. Vì vậy, cần phân loại đâu là thủ tục có lưu lượng người dân thực hiện lớn để đưa vào danh mục thiết yếu. Điển hình như: khai sinh, bảo hiểm xã hội, đăng ký thường trú...

Trong các danh mục này có nhiều thủ tục mang tính chất liên thông, đòi hỏi sự kết nối quy trình làm việc và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan liên quan. Những thủ tục hành chính

công nào phục vụ thiết yếu cuộc sống người dân trong danh mục 25 dịch vụ công thiết yếu thì cần ưu tiên giải quyết trước.

Dẫn ví dụ về tỉnh Bình Phước, Tiền sỹ Bùi Phương Đình cho rằng Bình Phước đã tận dụng rất tốt cơ hội để thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số.

Theo Chỉ số xếp hạng chuyển đổi số cho thấy năm 2022, tỉnh Bình Phước đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố trong cả nước và xếp thứ 2 khu vực Đông Nam Bộ.

Mặc dù tỉnh Bình Phước đã đẩy mạnh xây dựng trạm BTS dọc các tuyến đường tuần tra biên giới nhưng vẫn còn những “vùng lõm” sóng di động. Điều này khiến người dân vùng sâu, vùng xa hạn chế trong tiếp cận dịch vụ hành chính công trực tuyến.

Vì vậy, tỉnh Bình Phước cần có giải pháp phối hợp với các nhà mạng phủ sóng di động trên toàn bộ diện tích, nơi có người dân sinh sống, cũng như chính sách ưu tiên, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Sử dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến đòi hỏi sự thay đổi nhất định trong tư duy, nếp sống, cách thức làm việc của người dân. Do đó, công tác tuyên truyền, vận động bằng những việc làm thiết thực là một vấn đề đặt ra. Đặc biệt phải phát huy được vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng.

Tỉnh Bình Phước đã sáp nhập tổ công nghệ số cộng đồng và tổ công tác Đề án 06, tạo điều kiện tập trung, thống nhất công tác chỉ đạo, điều hành, đồng bộ trong triển khai thực hiện. Đây là một kênh rất quan trọng trong tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Tỉnh Ninh Thuận cũng đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để nỗ lực nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 75% và tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý trực tuyến đạt 70% theo kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của tỉnh.

Tại xã Đông Yên huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, ban đầu việc triển khai dịch vụ công trực tuyến lúc đầu gặp nhiều khó khăn do đa số người dân không có điều kiện tiếp xúc nhiều với máy tính, điện thoại thông minh nên bờ ngỡ khi tiếp cận dịch vụ công trực tuyến.

Trước tình hình đó, Ủy ban Nhân dân xã Đông Yên đã chỉ đạo cán bộ, công chức Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tăng cường tuyên truyền về lợi ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4; hướng dẫn người dân lập tài khoản, thao tác gửi hồ sơ qua mạng, giúp người dân gỡ bỏ tâm lý ngại khó, quen với việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến giải quyết thủ tục hành chính.

Đối với người dân không sử dụng điện thoại thông minh, người cao tuổi, cán bộ xã hỗ trợ tạo tài khoản cho người dân, nộp hồ sơ giúp người dân. Đảng ủy xã Đông Yên phân công cán bộ, đảng viên hướng dẫn, hỗ trợ hộ dân trên địa bàn sử dụng dịch vụ công trực tuyến qua nhóm Zalo...

"Phải luôn lắng nghe ý kiến của người dân cũng như đội ngũ cán bộ cấp cơ sở, từ đó xác định được khoảng trống về mặt chính sách, những thiếu hụt, nhu cầu, mong muốn thực sự để

có những biện pháp đầu tư sát cho cơ sở và quay trở lại phục vụ người dân", Tiến sỹ Bùi Phương Đình nhấn mạnh.

Nguồn: vietnamnet.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ - KHƠI DẬY TIỀM NĂNG, ĐƯA THANH HÓA PHÁT TRIỂN ĐỘT PHÁ: HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN

Với quyết tâm đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đã tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

Từng bước hoàn thiện khung pháp lý

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6-2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 4216/QĐ-UBND về kế hoạch chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đây là văn bản quan trọng mở đường, định hướng để cả hệ thống chính trị chung sức thực hiện chuyển đổi số với 3 trụ cột chính: phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Với mục tiêu chung là ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; phương thức sống, làm việc của người dân trên môi trường số...

Với vai trò là người đứng đầu cơ quan dẫn dắt công cuộc chuyển đổi số của tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Đỗ Hữu Quyết nhấn mạnh: Để từng bước hoàn thiện thể chế, chính sách, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong bối cảnh bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Sở Thông tin và Truyền thông đã tập trung nghiên cứu, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiều văn bản pháp quy quan trọng, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tạo ra các mô hình, sản phẩm dịch vụ mới dựa trên nền tảng công nghệ số, internet... Trong đó, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 chính là khung pháp lý quan trọng, là “kim chỉ nam” cho hoạt động chuyển đổi số của tỉnh Thanh Hóa.

Tỉnh Thanh Hóa là địa phương đầu tiên ban hành Quyết định giao chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến cho các sở, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và ban hành chỉ thị về tăng cường chỉ đạo thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên địa bàn tỉnh. Với quyết tâm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, tỉnh Thanh Hóa là một trong những địa

phương đầu tiên xây dựng bộ tiêu chí mô hình chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã và giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đến năm 2025.

6 tháng đầu năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh quá trình thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh với 1 chỉ thị, 9 quyết định, 3 kế hoạch và các văn bản chỉ đạo khác. Trong đó, nổi bật là: Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Trưởng ban Ban Chỉ đạo chuyển đổi số về kế hoạch hoạt động năm 2023; Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa...

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của tỉnh và các hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông về thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Ủy ban nhân dân TP. Sầm Sơn đã ban hành các quyết định thành lập ban chỉ đạo chuyển đổi số; tổ giúp việc ban chỉ đạo chuyển đổi số; phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban chỉ đạo; giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp xã, phường giai đoạn 2022 - 2025; chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường thành lập ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã, tổ công nghệ số cộng đồng. Đến thời điểm hiện tại đã có 11/11 xã, phường thành lập được ban chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã và 86 tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố.

Tương tự đối với công tác quy hoạch, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và quản lý đô thị, TP. Sầm Sơn cũng áp dụng các tiêu chuẩn, quy định, hướng dẫn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh, thành phố thông minh; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ về truyền thông và trao đổi thông tin; chỉ số đánh giá chuyển đổi số; áp dụng các giải pháp quản lý, giải pháp công nghệ số trong phát triển đô thị... TP. Sầm Sơn đã đầu tư và xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh; triển khai đồng bộ các giải pháp hiện đại nhất, như: nền tảng trung tâm điều hành thông minh; hệ thống camera giám sát giao thông, an ninh; hệ thống phản ánh hiện trường, hệ thống giám sát thông tin báo chí và truyền thông; hệ thống nhắn tin chào mừng du khách; triển khai tích hợp hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của thành phố về trung tâm điều hành thông minh, đã có thể quản lý và giám sát từ tổng thể đến chi tiết từng tình huống diễn ra trong thực tế ở tất cả các lĩnh vực, đời sống xã hội, thông qua dữ liệu thu thập từ hơn 155 camera giám sát được lắp đặt tại nhiều địa điểm công cộng, tuyến giao thông, cơ quan, đơn vị, trường học...

Với việc từng bước hoàn thiện thể chế, đã góp phần tạo hành lang pháp lý, tạo bước đột phá trong thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp...

Đề án 06 - bước đột phá trong hoạt động chuyển đổi số

Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 (gọi tắt là Đề án 06) được

các bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt, thường xuyên, liên tục, đem lại hiệu quả thiết thực. Tổ công tác Đề án 06 tỉnh Thanh Hóa đã bám sát chỉ đạo của Tổ công tác Đề án 06 Trung ương, các Bộ, ban, ngành có liên quan để tham mưu, triển khai có hiệu quả tại địa phương, nhất là 18 nhiệm vụ do địa phương chủ trì triển khai.

Với việc triển khai có trọng tâm, trọng điểm; dễ làm trước, khó làm sau, làm từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, thực hiện một cách bài bản, thực chất, hiệu quả, không triển khai hình thức, tránh chông chéo, đầu tư dàn trải, lãng phí. Đến nay, việc thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh đã thu được những kết quả bước đầu khá tích cực: tỷ lệ người dân truy cập, đăng ký tài khoản dịch vụ công được nâng lên; toàn tỉnh đã hoàn thành công tác thu nhận hồ sơ cấp căn cước công dân gắn chip điện tử đối với 100% công dân đủ điều kiện, hoàn thành vượt tiến độ của Bộ Công an giao; cấp tài khoản định danh điện tử và tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công được nâng lên rõ rệt; tỷ lệ người dân sử dụng căn cước công dân gắn chip điện tử trong khám chữa bệnh và tỷ lệ tra cứu thành công thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tăng qua từng tháng. Công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 được triển khai quyết liệt và hiệu quả...

Bám sát nhiệm vụ tại Đề án 06, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Công an huyện Đông Sơn quan tâm, bố trí nguồn nhân lực, trang thiết bị chuyên dụng, do đó quá trình triển khai đã đáp ứng tốt yêu cầu, thực hiện các nhiệm vụ của đề án đúng tiến độ. Giúp đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến công tác quản lý cư trú, tinh giản các giấy tờ cần thiết để thực hiện các thủ tục hành chính, giảm tối đa thời gian đi lại của công dân, tiết kiệm cho Nhà nước kinh phí phục vụ lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tăng cường tính chính xác, nhanh chóng trong các hoạt động nghiệp vụ.

Việc kết nối chia sẻ dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được triển khai đúng tiến độ, qua đó ngoài việc làm giàu dữ liệu dân cư, đã góp phần làm sạch dữ liệu chuyên ngành, xác thực thông tin công dân chính xác, phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính; cấp tài khoản định danh và xác thực điện tử cho các trường hợp công dân đi làm thủ tục cấp căn cước công dân và tích hợp các loại giấy tờ như giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe, bảo hiểm y tế,... trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia...

Trung tá Nguyễn Đăng Tùng, Đội trưởng Đội Quản lý hành chính, Công an huyện Đông Sơn, cho biết: Xác định cài đặt tài khoản định danh điện tử VNeID cho người dân là “nguyên liệu” để thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Công an huyện Đông Sơn đã rà soát, phân loại thành 3 đối tượng công dân: quan tâm, ít quan tâm và không quan tâm đến việc cài đặt tài khoản VNeID, từ đó đưa ra các giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn để người dân tích cực, chủ động cài đặt VNeID. Đối với những trường hợp đặc biệt như người già cả, ốm đau, neo đơn không có khả năng đi lại... Công an huyện Đông Sơn cũng thành lập các tổ công tác phối hợp với tổ đề án 06 các thôn đến tận nhà để kích hoạt tài khoản VNeID mức độ 2. Tính đến ngày 30/6, huyện Đông Sơn đã cài đặt được 40.325 trường hợp (trong đó mức độ 2 là 28.224 trường hợp và mức độ 1 là 12.101 trường hợp, đạt tỷ lệ 132,23%), đứng thứ nhất toàn tỉnh Thanh Hóa.

Với việc hoàn thiện thể chế, từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất về chuyên đổi số, nhất là cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nguồn lực đầu tư cả về tài chính, cơ sở vật chất và con người... đã góp phần tạo ra các dịch vụ công tiện ích cho người dân, doanh nghiệp, phục vụ phát triển đất nước, kết nối đa quốc gia, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước.

Nguồn: baothanhhoa.vn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 20/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 71/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.**

Trong đó, về nguyên tắc xử lý kỷ luật, Nghị định bổ sung quy định: Quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực thi hành; đối với trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức thì việc quy hoạch, bổ nhiệm ứng cử vào chức vụ cao hơn, bố trí công tác cán bộ áp dụng hiệu lực theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp đã có quyết định kỷ luật về đảng thì hiệu lực của quyết định xử lý kỷ luật hành chính tính từ ngày quyết định kỷ luật về đảng có hiệu lực. Trong thời gian này, nếu không tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định xử lý kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật trong thời gian đang thi hành quyết định xử lý kỷ luật thì xử lý theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị định này. Quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật mới có hiệu lực. Các tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức. Hình thức kỷ luật phải ghi vào lý lịch của cán bộ, công chức, viên chức.

Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ đến khi chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị mới mới phát hiện hành vi vi phạm đó và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì cấp có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị mới thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật và áp dụng hình thức kỷ luật theo quy định pháp luật tương ứng với vị trí cán bộ, công chức, viên chức hiện đang đảm nhiệm.

Đối với trường hợp này, cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ có trách nhiệm cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến hành vi vi phạm và cử người phối hợp trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật. Các quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng và các quy định khác có liên quan được tính ở đơn vị cũ.

Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật là thành viên Hội đồng kỷ luật hoặc là người chủ trì cuộc họp kiểm điểm.

Hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm tương xứng với kỷ luật về đảng

Nghị định cũng sửa đổi Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 và Khoản 6 Điều 2 nguyên tắc xử lý kỷ luật.

Cụ thể, việc xử lý kỷ luật phải bảo đảm khách quan, công bằng; công khai, nghiêm minh; chính xác, kịp thời; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu cán bộ, công chức, viên chức có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận về từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm.

Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; thái độ tiếp thu và sửa chữa; việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả; các trường hợp khác theo quy định của Đảng và của pháp luật được tính là căn cứ để xem xét miễn kỷ luật hoặc giảm nhẹ trách nhiệm.

Cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật về đảng thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện quy trình xử lý kỷ luật hành chính (nếu có), trừ trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật quy định tại Điều 3 Nghị định này.

Hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm tương xứng với kỷ luật về đảng. Trường hợp bị xử lý kỷ luật về đảng bằng hình thức cao nhất thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật xem xét, quyết định xử lý kỷ luật hành chính bằng hình thức cao nhất nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 19 Nghị định này; nếu không thuộc một trong các trường hợp nêu trên thì báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; hạ bậc lương đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc cảnh cáo đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý.

Trường hợp còn có ý kiến khác nhau về việc xác định hình thức kỷ luật hành chính tương xứng với hình thức xử lý kỷ luật về đảng cao nhất thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật để tham mưu; tham khảo ý kiến bằng văn bản của tổ chức Đảng ra quyết định xử lý kỷ luật đảng viên trước khi quyết định.

Trường hợp có thay đổi về hình thức xử lý kỷ luật về đảng thì phải thay đổi hình thức xử lý kỷ luật hành chính tương xứng. Thời gian đã thi hành quyết định xử lý kỷ luật cũ được trừ vào thời gian thi hành quyết định xử lý kỷ luật mới (nếu còn). Trường hợp cấp có thẩm quyền của Đảng quyết định xóa bỏ quyết định xử lý kỷ luật về đảng thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật hành chính phải ban hành quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật hành chính.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 14/9/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 69/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.**

Nghị định đã bổ sung Điều 40a vào sau Điều 40 của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP về tiêu chuẩn, điều kiện luân chuyển người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên.

Theo đó, người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên muốn được luân chuyển phải đạt các tiêu chuẩn, điều kiện sau: 1. Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, phẩm

chất đạo đức tốt. 2. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, năng lực công tác và triển vọng phát triển. 3. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của chức vụ đảm nhiệm khi luân chuyển. 4. Còn thời gian công tác ít nhất 10 năm công tác tính từ thời điểm luân chuyển; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. 5. Có đủ sức khỏe để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

Quy định về từ chức, miễn nhiệm

Ngoài ra, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung Điều 52, 53 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP quy định về việc từ chức, miễn nhiệm người quản lý doanh nghiệp nhà nước, Kiểm soát viên.

Theo quy định mới, việc xem xét cho từ chức đối với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện trong các trường hợp sau: 1. Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. 2. Để cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng. 3. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng. Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. 4. Vì các lý do chính đáng khác của cá nhân.

Việc xem xét miễn nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên và người đại diện phần vốn nhà nước được thực hiện trong các trường hợp sau: 1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà cấp có thẩm quyền xác định là năng lực hạn chế, uy tín giảm sút. 2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một thời hạn bổ nhiệm. 3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định của Đảng. Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. 4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ. 5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác. 6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm. 7. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 18/9/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký ban hành Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.**

Quyết định này quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, tổ chức phối hợp liên ngành được tổ chức dưới các hình thức sau: Hội đồng, Ủy ban, Ban Chỉ đạo, Ban công tác.

Tổ chức phối hợp liên ngành giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc quan trọng, liên ngành.

Tổ chức phối hợp liên ngành không thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Tổ chức phối hợp liên ngành không có con dấu hình Quốc huy.

Các trường hợp thành lập tổ chức phối hợp liên ngành

Quyết định nêu rõ, thành lập tổ chức phối hợp liên ngành khi giải quyết những công việc quan trọng liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, huy động nguồn lực lớn, các công trình trọng điểm quốc gia, những công việc liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước của nhiều Bộ, cơ quan ngang Bộ cần thiết phải có sự tập trung chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ; khi xảy ra thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh đặc biệt nghiêm trọng vượt quá khả năng giải quyết của một Bộ, cơ quan ngang Bộ, cần tập trung giải quyết trong thời gian nhất định.

Nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức phối hợp liên ngành

Tổ chức phối hợp liên ngành có nhiệm vụ, quyền hạn giúp Thủ tướng Chính phủ: Nghiên cứu, tư vấn, khuyến nghị, đề xuất phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành. Bên cạnh đó, chỉ đạo, phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức liên quan trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành.

Thành phần tổ chức phối hợp liên ngành

Căn cứ vào tính chất, nội dung của nhiệm vụ cần được giải quyết, Thủ tướng Chính phủ quyết định là người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành hoặc phân công Phó Thủ tướng Chính phủ. Đối với các trường hợp khác, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành.

Tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đứng đầu gồm: Cấp phó là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao làm nhiệm vụ cơ quan thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành; ủy viên đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan là lãnh đạo cấp phó của Bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương trở lên.

Tổ chức phối hợp liên ngành do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đứng đầu gồm: Một hoặc một số cấp phó, trong đó có một cấp phó là thứ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan ngang Bộ của cơ quan được giao làm nhiệm vụ thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành; ủy viên đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan là lãnh đạo cấp phó của Bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương.

Trường hợp cần thiết phải bố trí thành viên có chức danh, chức vụ thấp hơn quy định trên hoặc thành viên là các chuyên gia, nhà khoa học để phù hợp với yêu cầu, tính chất đặc thù về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thì Bộ, cơ quan ngang bộ đề xuất thành lập tổ chức phối hợp liên ngành trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cơ cấu thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành.

Quyết định nêu rõ, các thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Quyết định cũng nêu rõ trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức phối hợp liên ngành bao gồm: Đề xuất thành lập tổ chức phối hợp liên ngành; thẩm định thành lập tổ chức phối hợp liên ngành; thủ tục trình thành lập tổ chức phối hợp liên ngành; thẩm tra thành lập tổ chức phối hợp liên ngành; kiện toàn, tổ chức lại và giải thể tổ chức phối hợp liên

ngành. Đồng thời, nêu rõ chế độ làm việc; trách nhiệm của cơ quan thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành; trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành; trách nhiệm của thành viên; chế độ thông tin, báo cáo; kinh phí hoạt động.

Thủ tục trình thành lập tổ chức phối hợp liên ngành

Theo Quyết định, Bộ, cơ quan ngang Bộ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập tổ chức phối hợp liên ngành.

Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm: Các tài liệu quy định; ý kiến thẩm định bằng văn bản của Bộ Nội vụ; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

Về chế độ thông tin, báo cáo, tổ chức phối hợp liên ngành do Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đứng đầu thì cấp phó là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao làm nhiệm vụ cơ quan thường trực có trách nhiệm báo cáo định kỳ theo Quy chế tổ chức và hoạt động, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động.

Tổ chức phối hợp liên ngành do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đứng đầu thì người đứng đầu tổ chức phối hợp liên ngành có trách nhiệm báo cáo định kỳ theo Quy chế tổ chức và hoạt động, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ về tình hình hoạt động.

Định kỳ trước ngày 31/12 hằng năm, cơ quan thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành báo cáo tình hình hoạt động gửi Bộ Nội vụ và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định nêu rõ, kinh phí hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao làm nhiệm vụ cơ quan thường trực của tổ chức phối hợp liên ngành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2023.

*** Ngày 05/9/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Thông tư số 14/2023/TT-BNV ban hành quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.**

Quy định này quy định về cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ. Việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thông tư này không áp dụng đối với việc cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Đối tượng áp dụng của Thông tư này gồm: 1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. 2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. 3. Đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ (sau đây gọi chung là đơn vị thuộc Bộ). 4. Cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý thống nhất trong toàn ngành Nội vụ bao gồm: 1. Cơ sở dữ liệu quốc gia tài liệu lưu trữ. 2. Cơ sở dữ liệu về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. 3. Cơ sở dữ liệu về tổ chức, bộ máy. 4. Cơ sở dữ liệu chính quyền địa phương và địa giới hành chính. 5. Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. 6. Cơ sở dữ liệu về thanh niên. 7. Cơ sở dữ liệu về tôn giáo. 8. Cơ sở dữ liệu về thi

đưa - khen thưởng. 9. Cơ sở dữ liệu về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. 10. Cơ sở dữ liệu về nhân tài.

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý thống nhất trong toàn ngành Nội vụ. Nội dung của cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Phạm vi, nội dung cụ thể của từng cơ sở dữ liệu, việc cập nhật bổ sung danh mục các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

Sử dụng, cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Cơ quan, đơn vị được giao sử dụng, cập nhật dữ liệu có trách nhiệm truy cập vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ để xử lý nghiệp vụ, cập nhật thông tin; thông tin phải thống nhất định dạng kỹ thuật, phản ánh đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định của từng dữ liệu. Việc sử dụng, cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện qua tài khoản đã được cung cấp hoặc qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ đối với trường hợp các cơ quan, đơn vị đã có cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Cơ quan quản lý dữ liệu cấp II có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai sử dụng, cập nhật và quản lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ; chịu trách nhiệm và bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ Nội vụ.

Khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được sử dụng thống nhất trên toàn quốc, có giá trị pháp lý trong quản lý ngành Nội vụ.

Hình thức khai thác sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện thông qua tài khoản được cấp hoặc thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

Việc sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

Cơ quan quản lý và cơ quan, đơn vị cấp dưới được khai thác sử dụng thông tin trong phạm vi quản lý; ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng, khai thác dữ liệu, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm quản lý và khai thác sử dụng thông tin từ các tài khoản người dùng; tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong thẩm quyền quản lý.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài ngành Nội vụ có nhu cầu sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Đối với thông tin liên quan Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, việc cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin cần đảm bảo quy định về bảo mật thông tin an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Bộ Nội vụ cung cấp tài liệu điện tử về hướng dẫn sử dụng và các tài liệu liên quan phục vụ nhu cầu tập huấn, hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ của người dùng;

tiếp nhận thông tin yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng được thực hiện qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

Quy định kỹ thuật về dữ liệu, quy định kỹ thuật về kết nối và hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được Bộ Nội vụ ban hành theo các phiên bản và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ.

Bộ Nội vụ thực hiện chia sẻ dữ liệu chuyên ngành Nội vụ cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng theo yêu cầu, việc thực hiện chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù thực hiện thông qua quy chế phối hợp, văn bản đề nghị của cơ quan có nhu cầu chia sẻ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/10/2023.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định số 1069/QĐ-TTg ngày 15/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ông Bùi Xuân Dũng, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Xi măng Việt Nam giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Xây dựng.

Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 15/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm ông Đỗ Đức Hoàng, Trưởng ban Ban Thời sự, Đài Truyền hình Việt Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

Quyết định số 1066/QĐ-TTg ngày 15/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ điều động, bổ nhiệm ông Tạ Minh Tuấn, Trợ lý đồng chí Đỗ Văn Chiến, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ chức vụ Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm lại ông Y Thông giữ chức Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Thời hạn bổ nhiệm lại tính từ ngày 24/10/2023.

Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Hồng gồm 30 thành viên:

Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Hồng ký ban hành Quyết định số 61/QĐ-HĐDPĐBSH ngày 18/9/2023 về thành viên của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Hồng (Hội đồng).

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính làm Chủ tịch Hội đồng.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng.

5 Phó Chủ tịch Hội đồng là: Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị; Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Đặng Quốc Khánh; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt; Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng.

Ủy viên Hội đồng gồm: 1. Thượng tướng Lương Tam Quang, Thứ trưởng Bộ Công an. 2. Trung tướng Huỳnh Chiến Thắng, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng. 3. Ông Nguyễn Minh Vũ, Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao. 4. Ông Trần Duy Đông, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 5. Ông Lê Đình Thọ, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải. 6. Ông Lê Đức Luận, Thứ trưởng Bộ Y tế. 7. Ông Phạm Ngọc Thường, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. 8. Ông Hoàng Trung, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 9. Bà Nguyễn Thị Hà, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 10. Ông Tạ Quang Đông, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 11. Bà Mai Thị Thu Vân, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. 12. Ông Nguyễn Đức Chi, Thứ trưởng Bộ Tài chính. 13. Ông Trần Sỹ Thanh, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội. 14. Ông Nguyễn Văn

Tùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng. 15. Ông Triệu Thế Hùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. 16. Ông Trần Quốc Văn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên. 17. Ông Lê Duy Thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. 18. Bà Nguyễn Hương Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh. 19. Ông Trương Quốc Huy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. 20. Ông Phạm Đình Nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. 21. Ông Phạm Quang Ngọc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. 22. Ông Nguyễn Khắc Thận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. 23. Ông Cao Tường Huy, Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Phê duyệt danh sách thành viên Ủy ban Quốc gia về Trẻ em:

Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1080/QĐ-TTg phê duyệt danh sách thành viên Ủy ban Quốc gia về Trẻ em (Ủy ban).

Theo phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban là Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà.

Phó Chủ tịch Ủy ban gồm: Ông Đào Ngọc Dung, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Phó Chủ tịch Thường trực); ông Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và bà Đào Hồng Lan, Bộ trưởng Bộ Y tế.

Ủy viên gồm: Bà Nguyễn Thị Hà, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực); Trung tướng Nguyễn Duy Ngọc, Thứ trưởng Bộ Công an; ông Nguyễn Sỹ Hiệp, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; bà Đặng Hoàng Oanh, Thứ trưởng Bộ Tư pháp; bà Trịnh Thị Thủy, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ông Nguyễn Thanh Lâm, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ông Võ Thành Hưng, Thứ trưởng Bộ Tài chính; ông Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ; ông Y Vinh Tơ, Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; ông Đỗ Thanh Hải, Phó Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam; ông Phạm Mạnh Hùng, Phó Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; ông Nguyễn Văn Tiến, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; ông Nguyễn Duy Giảng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; ông Hoàng Công Thủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; bà Nguyễn Phạm Duy Trang, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; bà Tôn Ngọc Hạnh, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; bà Nguyễn Thị Thanh Hoà, Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam.

Thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch hệ thống du lịch:

Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 1072/QĐ-TTg thành lập Hội đồng thẩm định Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà làm Chủ tịch Hội đồng.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng, gồm:

- Đại diện lãnh đạo các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Ngoại giao; Tư pháp; Tài nguyên và Môi trường; Quốc phòng; Công an; Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội; Thành phố Hồ Chí Minh; Đà Nẵng; Cần Thơ; Lào Cai; Quảng Ninh; Ninh Bình; Nghệ An; Khánh Hòa; Lâm Đồng.

- Các thành viên là Ủy viên phản biện: GS. TS. Nguyễn Văn Đính, Nguyên Hiệu trưởng trường Đại học Hà Tĩnh; PGS. TS. Trần Đình Thiên, Nguyên Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam; PGS. TS. Nguyễn Chu Hồi, Nguyên Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và hải đảo; PGS. TS. Phạm Hồng Long, Trưởng khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; Ông Vũ Thế Bình, Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam; TS. Vũ Nam, Giảng viên khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Ông Trần Ngọc Chính, Nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng.

Cơ quan thường trực của Hội đồng là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

*** TP. Hồ Chí Minh:**

Ông Nguyễn Ngọc Hồi, Phó Giám đốc Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (VTV9) được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Thông tin - Truyền thông.

Ông Nguyễn Văn Trường, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thành phố được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thành phố.

Ông Nguyễn Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty Thương mại Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

*** Tỉnh Quảng Ninh:**

UBND tỉnh Quảng Ninh đã trao quyết định bổ nhiệm 3 cán bộ giữ chức danh Phó Giám đốc các sở: Nội vụ, Văn hóa và Thể thao, Tài nguyên và Môi trường thông qua thi tuyển.

Bà Phạm Thị Thùy Hương, Chánh Văn phòng Sở Nội vụ đã trúng tuyển chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, Trưởng phòng Quản lý văn hóa và gia đình, Sở Văn hóa và Thể thao trúng tuyển chức vụ Phó Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao.

Ông Nguyễn Như Hạnh, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài Nguyên và Môi trường trúng tuyển chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

*** Tỉnh Thanh Hóa:**

Ông Nguyễn Quốc Tiến, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Nông Cống nhiệm kỳ 2020 - 2025, thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Nông Cống nhiệm kỳ 2021 - 2026, được điều động để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Quảng Xương nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Trần Anh Chung, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Quảng Xương nhiệm kỳ 2020 - 2025, thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Quảng Xương nhiệm kỳ 2021 - 2026, được điều động để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy TP. Thanh Hóa nhiệm kỳ

2020 - 2025; giới thiệu để Hội đồng nhân dân TP. Thanh Hóa bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Văn Khiên, thôi giữ chức vụ Giám đốc Sở Giao thông vận tải, được điều động để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Thị ủy Bim Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Tiến Dũng, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Phó Bí thư Thị ủy Nghi Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025, thôi giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân TX. Nghi Sơn nhiệm kỳ 2021 - 2026, được điều động để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Như Thanh nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Thế Anh, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, thôi giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Thiệu Hóa nhiệm kỳ 2020 - 2025, thôi giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thiệu Hóa nhiệm kỳ 2021 - 2026, được điều động để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Phó Bí thư Thị ủy Nghi Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025, giới thiệu để Hội đồng nhân dân TX. Nghi Sơn bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân TX. Nghi Sơn nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Trần Văn Tuấn, thôi giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, được điều động để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Vĩnh Lộc nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Phạm Quốc Thành, thôi giữ chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông tỉnh, được điều động để chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Vĩnh Lộc nhiệm kỳ 2020 - 2025, giới thiệu để Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Lộc bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Mai Hữu Phúc, Chi Cục trưởng Chi cục Kiểm lâm (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), được điều động tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bá Thước nhiệm kỳ 2020 - 2025, giới thiệu để Hội đồng nhân dân huyện Bá Thước bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Đào Vũ Việt, Bí thư Thị ủy Bim Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025 được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Ông Lê Văn Tiến, Phó Bí thư Huyện ủy Vĩnh Lộc nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc nhiệm kỳ 2021 - 2026, được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ông Lê Văn Cường, Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Y tế.

Ông Trịnh Huy Triều, Phó Bí thư Thành ủy TP. Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Thanh Hóa nhiệm kỳ 2021 - 2026 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất về việc giới thiệu ông Phạm Văn Thành, Huyện ủy viên, Chủ tịch Hội Nông dân huyện Nga Sơn, ứng cử để Hội đồng nhân dân huyện Nga Sơn bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Quảng Bình:**

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh khóa XI đã bầu 9 ông, bà vào Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh. Ông Trần Tiến Sỹ tái đắc cử Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; ông Nguyễn Nam Long và bà Đỗ Thị Hoài Thu tái đắc cử Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

*** Tỉnh Khánh Hòa:**

Ông Trần Nam Bình, Giám đốc Sở Xây dựng được bổ nhiệm chức vụ Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nguồn: baohinhphu.vn